

MỤC LỤC TẠP CHÍ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2015

(Từ số 1 đến số 24 năm 2015)

| I. TRỒNG TRỌT - BVTV - ĐẤT - PHÂN BÓN - MÔI TRƯỜNG | | | | | |
|---|---------------|-----------------|--|---|---------------------------|
| STT | Số TC | Số trang | Tên tác giả | Tên bài | Người phản biện |
| 1. | Số 1 (256) | 12-20 | LÊ THỊ THU TRANG, LÃ HOÀNG ANH, LÃ TUẤN NGHĨA, ĐÀM THỊ THU HÀ. | Đánh giá chất lượng và đa dạng di truyền của một số giống lúa địa phương Việt Nam | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 2. | | 21-27 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYÊN, NGUYỄN THỊ VÔNG | Xây dựng bản đồ đơn vị đất đai huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 3. | | 28-36 | NGUYỄN PHÚC KHOA, HUỲNH VĂN CHUÔNG, PHẠM HỮU TỶ, TRẦN THANH ĐỨC | Đánh giá hiệu quả một số loại hình sử dụng đất nông nghiệp trên vùng đất dốc ở khu vực miền núi huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | TS. Bùi Huy Hiền |
| 4. | | 37-42 | TRẦN ĐĂNG HÒA, NGUYỄN TIẾN LONG, TRẦN THỊ HOÀNG ĐÔNG | Ảnh hưởng của các tổ hợp phân bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống lúa kháng rầy HP 28 tại Thừa Thiên – Huế | TS. Bùi Huy Hiền |
| 5. | | 43-48 | NGUYỄN HỮU THỌ, NGÔ XUÂN BÌNH, HOÀNG THỊ THUY, LÊ TIẾN HÙNG. | Kết quả nghiên cứu mối quan hệ giữa tuổi cành mẹ và sinh trưởng cành quả tới năng suất của cây bưởi Diễn (<i>C. grandis</i>) | TS. Đỗ Đình Ca |
| 6. | | 58-65 | NGUYỄN QUỐC KHƯƠNG, VÕ THỊ KIM PHƯƠNG, NGÔ NGỌC HUNG. | Ảnh hưởng của bón bã bùn mía và nấm Trichoderma đến sinh trưởng, năng suất và hấp thu NPK của mía đường trên đất phù sa tại Long Mỹ – Hậu Giang | TS. Bùi Huy Hiền |
| 7. | Số 2 (257) | 3-9 | TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG, ĐẶNG TRỌNG LƯƠNG, TRẦN THỊ THÚY, NGUYỄN THỊ HẠNH, PHẠM THỊ HỒNG NHUNG, NGUYỄN THỊ LIỄU. | Nghiên cứu một số kỹ thuật trồng gừng đá Bắc Kạn từ cây nuôi cấy mô | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 8. | | 10-17 | TRẦN ĐĂNG HÒA, TRẦN THỊ HOÀNG ĐÔNG, ĐOÀN ANH TUẤN, NGUYỄN ĐÌNH THI, LÊ KHẮC PHÚC | Ảnh hưởng của các tổ hợp phân bón đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống lúa kháng rầy lưng trắng ĐT34 và PC6 tại Thừa Thiên – Huế | TS. Bùi Huy Hiền |
| 9. | | 18-27 | NGUYỄN VĂN BÌNH, HỒ KIỆT | Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế | TS. Bùi Huy Hiền |
| 10. | | 28-34 | LÃ THỊ THU HẰNG, LÊ THỊ KHÁNH, TRẦN THỊ THU HÀ, NGUYỄN TIẾN LONG, TRẦN VĂN MINH | Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng cây hoa chuông (<i>Sinningia speciosa</i>) in – vitro ở giai đoạn vườn ươm tại Thừa Thiên – Huế | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Lý |

| | | | | | |
|-----|-----------------------|-----------|---|---|---------------------------|
| 11. | | 35-38 | LÊ THỊ GIANG | Tích hợp GIS và đánh giá đa chỉ tiêu (MCE) trong xác định đất thích hợp trồng vải thiều huyện Sơn Động – tỉnh Bắc Giang | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 12. | | 39-48 | PHẠM QUANG THẮNG, TRẦN THỊ MINH HẰNG | Đặc điểm nông sinh học của các mẫu giống dưa chuột bản địa (<i>Cucumis sativus</i> L.) của đồng bào H'Mông vùng Tây Bắc Việt Nam | PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Huệ |
| 13. | | 36-42 | NGUYỄN THỊ LANG, TRẦN THỊ THANH XÀ, TRINH THỊ LỮY, TRẦN ANH NGUYỆT, NGUYỄN HOÀNG THÁI BÌNH, BÙI PHƯỚC TÂM, BÙI CHÍ BỬU | Nghiên cứu sự đa dạng di truyền trên giống lúa mùa Một Bụi Lùn tại Cà Mau | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 14. | | 43-48 | TRẦN THỊ AN, NGUYỄN BÁ THÔNG | Xác định liều lượng phân kali thích hợp cho giống lúa nếp Cái Hạt Cau gieo cây tại một số huyện của tỉnh Thanh Hóa | TS. Bùi Huy Hiền |
| 15. | | 49-58 | NGUYỄN HỒNG SƠN, HỒ THỊ QUYÊN, LÊ THỊ LAN ANH | Nghiên cứu khả năng ứng dụng than sinh học để thay thế phân chuồng và phân vô cơ trong sản xuất rau ăn lá và rau ăn quả | TS. Bùi Huy Hiền |
| 16. | | 59-66 | NGUYỄN THỊ BIÊN, NGUYỄN VIỆT CƯỜNG, LÊ THIẾT HẢI, LƯU NGỌC QUYẾN, NGUYỄN QUANG TIN | Một số giải pháp chuyển đổi đất một vụ lúa năng suất thấp canh tác nhờ nước trời sang trồng cây thức ăn gia súc | TS. Bùi Huy Hiền |
| 17. | Số 3 + 4 (258-259) | 75-80 | BÙI THANH HẢI, ĐẶNG VĂN MINH, NGUYỄN VĂN TOÀN | Chất lượng đất đai và khả năng thích hợp với trồng lúa tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | TS. Bùi Huy Hiền |
| 18. | | 81-87 | PHẠM QUANG THẮNG, TRẦN THỊ MINH HẰNG | Quan hệ di truyền giữa các mẫu giống dưa chuột H'Mông thu thập ở vùng Tây Bắc Việt Nam | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 19. | | 83-93 | BÙI VĂN DŨNG, PHẠM THỊ VƯỢNG, LÃ VĂN HÀO, TRƯƠNG THỊ HƯƠNG LAN, LÊ THỊ TUYẾT NHUNG, HOÀNG VĂN ĐÁY, VI THẾ HỒNG, HOÀNG VĂN THIÊM, LÊ XUÂN VỊ | Một số đặc điểm sinh học của loài bọ ánh kim đôi môi <i>Oides duporti</i> Laboissiere (Coleoptera: Chrysomelidae) hại cây hời ở tỉnh Lạng Sơn | PGS.TS. Trần Đình Chiến |
| 20. | | 94-100 | VÕ THỊ BÍCH CHÌ, TRẦN THỊ BÉ HỒNG, NGUYỄN THỊ NGHĨA, NGUYỄN THỊ XUÂN, NGUYỄN THỊ NHÀN, NGUYỄN THỊ LỘC | Ảnh hưởng của mật độ sạ và phương pháp sạ, cây đối với bọ phấn trắng hại lúa <i>Aleurocybotus indicus</i> David and Subramaniam (Hemiptera: Aleyrodidae) | GS.TS. Phạm Văn Lâm |
| 21. | | 101-107 | BÙI THỊ NGA, PHẠM VIỆT NỮ, TARO IZUMI | Chất lượng nước thải từ mô hình khí sinh học với vật liệu nạo thực vật | PGS.TS. Lê Đức |
| 22. | | 108 - 115 | NGUYỄN QUỐC KHUÔNG, NGÔ NGỌC | Đánh giá đặc tính đất lúa – tôm bị nhiễm mặn ở các vùng sinh thái | TS. Bùi Huy Hiền |

| | | | | | |
|-----|---------------|-------|--|---|---------------------------|
| | | | HÙNG | thuộc tỉnh Bạc Liêu | |
| 23. | Số 5 (260) | 3-9 | CAO PHI BĂNG, TRẦN THỊ THANH HUYỀN | Đặc trưng hóa và khảo sát sự biểu hiện của các gen CBF ở cây quýt đường (<i>Citrus clementina</i>) bằng phương pháp in silico | GS.TS. Đỗ Năng Vịnh |
| 24. | | 10-18 | BÙI THỊ THU HUYỀN, NGUYỄN THỊ LAN HOA, NGUYỄN ĐỨC ANH, TRẦN DANH SỬU, HÀ VIẾT CƯỜNG | Xác định chủng vi rút gây bệnh khảm vàng trên cây đậu xanh ở Việt Nam | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |
| 25. | | 19-25 | TRƯƠNG THỊ HỒNG HẢI, TRẦN VIẾT THẮNG, NGUYỄN THỊ THU THỦY, PHẠM THANH BÌNH, TRẦN NGỌC HÙNG | Đánh giá độ độc tính của các chủng vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> Smith gây bệnh héo xanh trên cây cà chua ở một số tỉnh miền Bắc | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |
| 26. | | 26-32 | BÙI THỊ NGÀ, NGUYỄN CÔNG THUẬN, TARO IZUMI | Sử dụng lục bình (<i>Eichhornia crassipes</i>), bèo tai tượng (<i>Pistia stratiotes</i>) để sản xuất khí sinh học ở đồng bằng sông Cửu Long | PGS.TSKH. Nguyễn Xuân Hải |
| 27. | | 33-38 | TRƯƠNG HỒNG, NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ, VÕ THỊ THU VÂN, HOÀNG HẢI LONG, NGUYỄN VĂN GIANG, BÙI VĂN VĨNH, ĐOÀN THỊ HỒNG CAM | Nghiên cứu xác định kỹ thuật tia càn thích hợp cho cây ca cao | GS.TS. Vũ Mạnh Hải |
| 28. | Số 6 (261) | 23-28 | PHẠM THỊ LÝ THU, PHẠM THỊ HƯƠNG, LÊ THỊ LAN, NGUYỄN VĂN ĐỒNG, LÊ HUY HÀM | Nghiên cứu tạo dòng ngô chuyển gen chịu thuốc trừ cỏ | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 29. | | 29-36 | ĐẶNG MINH TÓN, NGUYỄN VĂN TOÀN, ĐẶNG VĂN MINH | Phân hạng khả năng thích hợp của đất đai với trồng cam trên địa bàn vùng cam Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang | TS. Bùi Huy Hiền |
| 30. | | 37-45 | TRẦN THỊ PHƯỢNG, DUƠNG QUỐC NỖN, HUỖNH VĂN CHUÔNG, NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH, PHẠM GIA TÙNG, LÊ VĂN AN | Ảnh hưởng của hạn hán đến năng suất lúa ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam | TS. Nguyễn Như Hải |
| 31. | | 46-52 | NGUYỄN THỊ MÃO, NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH, LƯU THỊ THÙY LINH | Nghiên cứu ảnh hưởng của các biện pháp kỹ thuật canh tác đến sâu bệnh hại và năng suất của giống cà chua triển vọng trong vụ xuân – hè và đông – xuân tại Thái Nguyên | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 32. | | 53-60 | NGUYỄN PHAN NHÂN, BÙI THỊ NGÀ, PHẠM VĂN TOÀN | Hàm lượng hoạt chất Fenobucarb trong đất ruộng, trong bùn đáy trên kênh nội đồng và một số sông rạch chính tại tỉnh Hậu Giang | PGS.TS. Lê Đức |

| | | | | | | |
|-----|---------------|---------------|---|--|---|--------------------------|
| 33. | Số 7 (262) | 18-24 | NGUYỄN ĐỨC ANH, NGUYỄN THỊ LAN HOA, NGUYỄN THỊ THANH THỦY | Bước đầu sử dụng chỉ thị Start Codon Targeted (SCoT) để xây dựng tiêu bản ADN của một số giống đậu tương địa phương | PGS.TS. Nguyễn Văn Đồng | |
| 34. | | 25-30 | NGUYỄN VĂN ĐỒNG, PHẠM THỊ LÝ THU, PHẠM THỊ HƯƠNG, LÊ THỊ MAI HƯƠNG, LÊ THỊ LAN, NGUYỄN CHIẾN HỮU, NGUYỄN HỮU KIÊN, TRẦN DUY HÙNG, LÊ HUY HÀM | Nghiên cứu chuyển gen chịu hạn NF – YB2 vào một số dòng ngô Việt Nam | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa | |
| 35. | | 31-37 | LÊ NHƯ CƯƠNG | Hiệu quả kích thích nảy mầm, mọc mầm của ớt, cà chua và cải xanh bởi vi khuẩn Bacillus có nguồn gốc bản địa | GS.TS. Trần Khắc Thi | |
| 36. | | 38-43 | VŨ THỊ THANH THỦY, NGUYỄN THẾ HUẤN | Nghiên cứu sinh trưởng của một số giống chè nhập nội và lai tạo vào các tháng vụ đông tại Thái Nguyên | TS. Đỗ Văn Ngọc | |
| 37. | | 44-50 | PHẠM QUANG THẮNG | Ảnh hưởng của phân hỗn hợp NPK (5:10:3) bón lót đến sinh trưởng, phát triển và năng suất rau Bò khai | TS. Bùi Huy Hiền | |
| 38. | | 80-88 | NGUYỄN VĂN MẠNH, BÙI THỊ NGÀ | Nghiên cứu phương pháp ủ bùn đáy ao nuôi tôm nước mặn thâm canh | TS. Bùi Huy Hiền | |
| 39. | Số 8 (263) | 17-22 | PHAN ĐÌNH BINH | Đánh giá hiệu quả và định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 của thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | TS. Bùi Huy Hiền | |
| 40. | | 23-28 | NGUYỄN TUẤN ĐIỆP | Kết quả điều tra và đánh giá nguồn gen cây lạc ở Bắc Giang | GS.VS.TSKH. Trần Đình Long | |
| 41. | | 29-33 | KHUẤT HỮU TRUNG, NGÔ HỒNG BÌNH, NGUYỄN VĂN NGHIÊM, TRẦN THỊ DẬU, KIỀU THỊ DUNG, NGUYỄN TRƯỜNG KHOA | Đánh giá đa dạng di truyền các giống vải sử dụng chỉ thị phân tử SSR | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa | |
| 42. | | 34-41 | TẮT ANH THƯ, LÊ MINH TOÀN | Ảnh hưởng của phân hữu cơ đến độ phì nhiêu đất, năng suất và tồn dư nitrat trong cây củ cải trắng (Raphanus sativus L.) | TS. Bùi Huy Hiền | |
| 43. | | 42-45 | TRẦN XUÂN HOÀNG, ĐỖ VĂN NGỌC, ĐẶNG VĂN THƯ | Nghiên cứu kỹ thuật hái giống chè PH10 để sản xuất nguyên liệu chế biến chè Ô Long tại Phú Thọ | GS.TS. Nguyễn Ngọc Kính | |
| 44. | | 58-64 | NGUYỄN BÁ THÔNG, LÊ THỊ XUÂN HÀ | Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ hàng bố mẹ đến khả năng sản xuất hạt giống lúa lai F1 tổ hợp TH7 -2 trong vụ mùa tại Thanh Hóa | PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm | |
| 45. | | Số 9 (264) | 13-19 | TRẦN VĂN LỘT, NGUYỄN THỊ LANG, PHẠM THỊ THU HÀ, NGUYỄN TRỌNG PHƯỚC, BÙI CHÍ BỬU | Sử dụng dấu chuẩn phân tử để phát hiện khả năng chịu nóng trên quần thể lai hồi giao của tổ hợp lúa AS996/N22//AS996 | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| | | | | | | |

| | | | | | |
|-----|-------------|-------|--|--|-------------------------|
| 46. | | 20-26 | NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT, HOÀNG HOA LONG, NGUYỄN THỊ THANH THỦY | Thu thập, đánh giá và phân loại nòi nấm bệnh đạo ôn (<i>Pyricularia oryzae</i> Cavara) ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |
| 47. | | 27-32 | NGUYỄN HỒNG SƠN, NGUYỄN THÀNH HIẾU, NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC, TRẦN MINH TIẾN, MAI THỊ THÚY KIỀU, NGUYỄN THỊ THU VINH | Kết quả nghiên cứu một số biện pháp cấp bách để hạn chế sự lây lan và tác hại của bệnh đốm nâu thanh long do nấm <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> gây ra | GS.TS. Vũ Triệu Mân |
| 48. | | 33-39 | NGUYỄN HỮU HỠ, TỔNG QUỐC AN, PHẠM THỊ NHẬN, REINHARDT HOWELER | Kết quả trồng xen một số cây họ đậu để cải thiện dinh dưỡng đất trồng sắn | TS. Bùi Huy Hiền |
| 49. | | 40-45 | NGUYỄN THỊ LAN ANH, NGUYỄN THU HÀ, NGUYỄN VĂN THAO, NGUYỄN THÀNH TRUNG, ĐINH HỒNG DUYÊN | Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh đến chất lượng phân ủ từ rác thải sinh hoạt | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |
| 50. | | 46-51 | VŨ VĂN HIẾU. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO, VŨ QUANG SÁNG | Ảnh hưởng của sử dụng phân bón và một số biện pháp kỹ thuật đến tính chất lý, hóa học đất trồng cam sành ở huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang | TS. Bùi Huy Hiền |
| 51. | | 52-59 | PHAN ĐÌNH BINH, TRẦN VĂN LIỄU | Kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ GPS và GIS để xây dựng lưới khống chế và đo vẽ bản đồ địa chính xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc | TS. Nguyễn Quang Học |
| 52. | Số 10 (265) | 18-23 | TẶNG THỊ HẠNH, PHAN THỊ HỒNG NHUNG, NGUYỄN TRUNG ĐỨC, PHẠM VĂN CƯỜNG | Đánh giá biểu hiện của các gen GN1 và WFPI qua một số tính trạng nông sinh học và năng suất của các dòng lúa Khang Dân 18 cải tiến | GS.TS. Hoàng Minh Tấn |
| 53. | | 24-29 | ĐẶNG TRỌNG LƯƠNG, PHÍ CÔNG NGUYỄN, VÕ QUANG SƠN | Xác định sự trôi gen ở cây đậu tương chuyển gen trong điều kiện kiểm soát bằng kỹ thuật sinh học phân tử | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 54. | | 30-34 | ĐẶNG VĂN ĐÔNG, BÙI HỮU CHUNG | Đặc điểm sinh trưởng và phát triển của giống mai vàng Yên Tử trồng thử nghiệm tại Hà Nội | GS.TS. Nguyễn Xuân Linh |
| 55. | | 35-39 | PHẠM QUANG THẮNG | Ảnh hưởng của thời vụ và đường kính hom giâm đến khả năng ra rễ và bật chồi Bò Khai | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 56. | | 40-47 | LÊ THỊ KHỎE, TRẦN VĂN MỈ | Kết quả bước đầu chọn lọc gốc ghép cây có múi chịu hạn và đánh giá khả năng tương thích của giống bưởi Da xanh và Năm roi trên gốc ghép chịu hạn tại Tri Tôn, An Giang | TS. Đỗ Đình Ca |
| 57. | | 48-54 | NGUYỄN QUANG HỌC | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị | TS. Bùi Huy Hiền |

| | | | | | |
|-----|----------------|---------|--|---|----------------------------|
| | | | | gia tăng và phát triển bền vững huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên | |
| 58. | | 55-63 | HOÀNG THỊ BÍCH THẢO, TRẦN VĂN ĐIỂN, TRẦN MINH HÒA | Ảnh hưởng của mật độ và phân bón đến khả năng sinh trưởng và năng suất của giống cao lương ngọt cao sản NL3 | TS. Bùi Huy Hiền |
| 59. | | 64-70 | ĐẶNG VĂN MINH, TRẦN TRUNG KIÊN | Ảnh hưởng của phân bón đến năng suất và chất lượng của giống ngô nếp lai HN88 tại Thái Nguyên | TS. Bùi Huy Hiền |
| 60. | | 71-78 | NGUYỄN BÁ THÔNG | Kết quả nghiên cứu quá trình sinh trưởng, phát triển, năng suất lúa và hiệu quả kinh tế của mô hình sinh thái tổng hợp lúa – cá - vịt tại Thanh Hóa | TS. Nguyễn Như Hải |
| 61. | Số 11 (266) | 13-21 | TRẦN VĂN LỘT, NGUYỄN THỊ LANG, NGUYỄN TRỌNG PHƯỚC, BÙI CHÍ BỬU | Phân tích sự đa hình cây lúa chịu nóng bằng kỹ thuật SSR | PGS.TS. Nguyễn Minh Công |
| 62. | | 22-29 | NGUYỄN THỊ TRÚC MAI, NGUYỄN MINH HIẾU, HOÀNG KIM, NGUYỄN TRỌNG TÙNG | Kết quả nghiên cứu biện pháp kỹ thuật thâm canh sản tại tỉnh Phú Yên | GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn |
| 63. | | 30-39 | LẠI TIẾN DŨNG, PHẠM VĂN LÂM, NGUYỄN VĂN LIÊM | Đặc điểm sinh vật học của sâu đục thân ngô châu Á <i>Ostrinia furnacalis</i> (Lepidoptera: Pyralidae) | GS.TS. Nguyễn Văn Đĩnh |
| 64. | | 40-47 | NGUYỄN VĂN KHOA, PHẠM VĂN CƯỜNG | Ảnh hưởng của mật độ gieo trồng và mức phân đạm bón đến sinh trưởng và năng suất của lúa cạn tại vùng Tây Bắc | TS. Bùi Huy Hiền |
| 65. | | 48-55 | ĐẶNG VĂN MINH, TRẦN TRUNG KIÊN, LÊ THỊ KIỀU OANH | Ảnh hưởng của thời vụ, phân bón đến năng suất và chất lượng giống ngô nếp lai trong vụ xuân (2013 và 2014) tại Quảng Ninh | TS. Bùi Huy Hiền |
| 66. | | 56-62 | NGUYỄN HỮU NGŨ, DƯƠNG QUỐC NỖN | Ứng dụng GIS và viễn thám nghiên cứu tình hình sạt lở và bồi tụ đất ven biển phục vụ quy hoạch phát triển nông nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên – Huế | TS. Nguyễn Quang Học |
| 67. | | 63-68 | MAI VĂN TRỊNH, NGUYỄN VĂN THIẾT, BÙI PHƯƠNG LOAN, TRẦN VĂN THỂ, LÊ HOÀNG ANH | Nghiên cứu lựa chọn mô hình thu gom phế phụ phẩm trồng trọt để chế biến, tái sử dụng nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn | PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương |
| 68. | | 107-114 | ĐINH HỒNG DUYÊN, NGUYỄN TÚ ĐIỆP | Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp canh tác đến tính chất nông sinh học đất cát ven biển trồng cây phi lao huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa | TS. Bùi Huy Hiền |
| 69. | Số 12 (267) | 10-15 | NGUYỄN VĂN ĐỒNG, PHẠM THỊ LÝ THU, TRẦN DUY HÙNG, LÊ THỊ MAI HƯƠNG, PHẠM | Nghiên cứu biến nạp gien IPT (Isopentenyl transferase) kháng hạn vào một số dòng ngô chọn lọc thông qua vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i> | GS.TSKH. Trần Duy Quý |

| | | | | | |
|-----|-------------|-------|--|---|-----------------------------|
| | | | THỊ HƯƠNG, LÊ THỊ LAN, NGUYỄN CHIẾN HỮU, NGUYỄN HỮU KIÊN, LÊ HUY HÀM | | |
| 70. | | 16-23 | TRẦN THỊ CÚC HÒA, TRẦN THANH HẢI, LÂM THÁI DUY, HÀ MINH LUÂN, NGUYỄN TRẦN HẢI BẰNG, NGUYỄN QUANG VINH, ĐỒNG THANH LIÊM, HỒ THỊ HUỲNH NHƯ, TRẦN NHƯ NGỌC, VÕ THỊ KIỀU TRANG, PHẠM THU DUNG, NGUYỄN THỊ THU HIỀN, PHẠM THỊ HƯỜNG | Tạo chọn dòng đậu tương biến đổi gen kháng các đối tượng sâu hại chủ yếu | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 71. | | 24-28 | TRƯƠNG THỊ HỒNG HẢI | Nghiên cứu phát triển chỉ thị phân tử SCAR liên kết với gen kháng bệnh xoắn vàng lá (Ty – 1) ở cà chua | PGS.TS. Phạm Xuân Hội |
| 72. | | 29-36 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO, NGUYỄN CHI MAI, PHAN MINH TUẤN, NGUYỄN HỮU HỸ, TRẦN MỸ LINH, LÊ QUỲNH LIÊN, LÊ QUANG TRUNG, NGUYỄN THỊ BÌNH, NGUYỄN TƯỜNG VÂN | Nghiên cứu đa dạng di truyền tập đoàn các giống sắn (Manihot esculenta Crantz) sử dụng chỉ thị SSR | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 73. | | 37-45 | PHẠM LÊ HOÀNG, LÊ THỊ KHÁNH | Nghiên cứu tính đa dạng và sử dụng tài nguyên cây họ cà (Solanaceae) tại Thừa Thiên - Huế | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 74. | | 56-61 | NGUYỄN VĂN LÊ, DƯƠNG MINH VIỄN, ĐỖ THỊ XUÂN | Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn phân hủy thuốc trừ sâu Diazinon trên đất chuyên màu ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long | TS. Lê Như Kiều |
| 75. | | 62-66 | NGUYỄN THANH LĨNH, NGUYỄN VĂN BỘ, NGUYỄN VĂN CHIẾN, TRẦN MINH TIẾN | Ảnh hưởng của magiê đối với lúa trên đất xám b637ac màu Bắc Giang | TS. Bùi Huy Hiền |
| 76. | | 67-71 | NGUYỄN THẾ HÙNG, VŨ THỊ THANH HƯƠNG | Một số đặc tính hóa học đất trong các thảm thực vật thoái hóa ở thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | TS. Bùi Huy Hiền |
| 77. | | 72-77 | NGUYỄN VĂN CHUÔNG, NGÔ NGỌC HÙNG | Biện pháp giảm thiểu hút thu catmi trong lúa, bắp và đậu xanh trồng trên đất phù sa An Phú – An Giang | TS. Bùi Huy Hiền |
| 78. | Số 13 (268) | 3-7 | NGUYỄN THỎ, NGUYỄN THANH THUY | Quản lý dịch hại cây trồng có nguồn bệnh từ đất theo hướng hữu cơ sinh học | PGS.TS. Lê Lương Tề |
| 79. | | 8-16 | NGUYỄN THỊ ĐAN HUYỀN, NGUYỄN THỊ VÂN ANH | Ảnh hưởng của dịch chiết lá ổi đến khả năng kháng nấm Colletotrichum musae gây bệnh thán thư trên chuối | PGS.TS. Nguyễn Văn Việt |

| | | | | | |
|-----|----------------|----------------|---|---|--|
| | | | | sau thu hoạch ở điều kiện in - vitro | |
| 80. | | 17-21 | VŨ THỊ THANH THỦY, NGUYỄN THẾ HUẤN, HOÀNG THỊ DIỆP | Nghiên cứu một số đặc tính ra lộc và biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế hiện tượng rụng quả đối với cây cam Canh tại huyện Lục Ngạn, Bắc Giang | TS. Đỗ Đình Ca |
| 81. | | 22-29 | NGUYỄN KIM QUYÊN, NGÔ NGỌC HÙNG | Sử dụng bảng so màu lá (LCC) trong chẩn đoán các thời điểm bón đạm cho mía trên đất phù sa đồng bằng sông Cửu Long | TS. Bùi Huy Hiền |
| 82. | | 30-38 | NGUYỄN PHAN NHÂN, PHẠM VĂN TOÀN, BUI THỊ NGA | Hàm lượng hoạt chất Quinalphos trong đất trên ruộng lúa và trong bùn đáy các sông chính tỉnh Hậu Giang | PGS.TS. Phạm Quang Hà |
| 83. | | 39-44 | HOÀNG THỊ THÁI HÒA, ĐỖ ĐÌNH THỰC, TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT, NGUYỄN ĐỨC THÀNH, NGUYỄN MẠNH HÙNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng và dạng phân đạm đến năng suất lúa trên đất phù sa tỉnh Thừa Thiên - Huế | TS. Bùi Huy Hiền |
| 84. | | 3-10 | TRẦN MINH TIẾN, HOÀNG TRỌNG QUÝ, LƯƠNG ĐỨC TOÀN, TRẦN THỊ MINH THU, VŨ MẠNH QUYẾT | Đặc điểm tài nguyên đất nông nghiệp vùng miền núi Tây Bắc | TS. Bùi Huy Hiền |
| 85. | | 18-26 | NGUYỄN HỮU THÀNH, NGUYỄN VĂN HÙNG, HOÀNG QUỐC VIỆT | Tính bền vững của các loại sử dụng đất nông nghiệp huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội | TS. Bùi Huy Hiền |
| 86. | | 27-33 | ĐỖ NGUYỄN HẢI, PHAN THỊ THANH HUYỀN, VŨ XUÂN TRƯỜNG | Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La | TS. Bùi Huy Hiền |
| 87. | Số 14 (269) | 34-39 | NGUYỄN THỊ XUÂN, NGUYỄN MẠNH THÙY | Ứng dụng nguyên tắc phân hạng thích nghi đất đai của FAO kết hợp với sự trợ giúp của công nghệ GIS hỗ trợ công tác quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 88. | | 40-46 | ĐINH THỊ THU LÊ, ĐỖ THỊ THU HÀ, BUI THỊ PHƯƠNG, NGUYỄN QUANG THẠCH | Đánh giá khả năng tăng cường tính kháng bệnh vi rút PVY (Potato virus Y) và phẩm chất chế biến chip của khoai tây sau dung hợp tế bào trần | PGS.TS. Phạm Xuân Hội |
| 89. | | 47-56 | LÊ MINH TƯỜNG | Đánh giá khả năng phòng trị của xạ khuẩn đối với bệnh đạo ôn hại lúa | PGS.TS. Lê Lương Tề |
| 90. | | 57-61 | NGÔ THỊ MAI VI, NGUYỄN VĂN VIÊN | Sử dụng dịch chiết cà độc dược (Datura metel L.) phòng trừ bệnh đốm đen (Phaeoisariopsis personata) hại lạc | PGS.TS. Nguyễn Văn Việt |
| 91. | | 62-66 | PHẠM VĂN CHUÔNG, ĐOÀN XUÂN CẢNH, BUI VĂN HÙNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của tuổi mía làm hom và loại hom đến sự sinh trưởng, phát triển, năng suất mía tại Nghệ An | TS. Nguyễn Đình Vinh |
| 92. | | Số 15 (270) | 3-10 | NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG, NGUYỄN QUANG HUY, NGUYỄN QUANG HỌC | Nghiên cứu cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp hợp lý đến năm 2020 phục vụ phát triển thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |

| | | | | | |
|------|-------------|-------|--|---|-------------------------|
| 93. | | 11-20 | PHẠM THẾ TRINH | Đánh giá khả năng thích hợp đất đai đối với cây mắc ca và định hướng sử dụng đất trồng cà phê xen mắc ca trên đất đỏ bazan tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 94. | | 21-28 | NGUYỄN VĂN BÌNH, HÀ VĂN HÀNH, HỒ KIỆT | Đánh giá biến động đất nông nghiệp trên địa bàn thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên – Huế giai đoạn 2002 – 2013 bằng công nghệ GIS và viễn thám | TS. Bùi Huy Hiền |
| 95. | | 29-36 | NGUYỄN QUỐC KHƯƠNG, LÊ VĂN DANG, TRẦN NGỌC HỮU, LÝ NGỌC THANH XUÂN, ĐOÀN VĂN HỒ, NGÔ NGỌC HUNG | Ảnh hưởng của luân canh đến sinh trưởng và năng suất bắp lai trên đất phù sa không bồi tại An Giang | GS.TS. Ngô Hữu Tinh |
| 96. | | 37-41 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN, ĐOÀN VĂN ĐIỂM, ĐẶNG VĂN ĐÔNG, NGUYỄN THỊ THU HẰNG | Kết quả nghiên cứu một số biện pháp điều khiển ra hoa cho giống đào phai GL2 - 2 | GS.TS. Nguyễn Xuân Linh |
| 97. | | 42–48 | ĐINH HỒNG DUYỆN, NGUYỄN THẾ BÌNH, VŨ THANH HẢI | Tuyển chọn và đánh giá khả năng sử dụng xạ khuẩn để xử lý phụ phẩm sau thu hoạch quả vải | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |
| 98. | | 49-56 | NGUYỄN VĂN THAO, NGUYỄN THỊ LAN ANH, VŨ THỊ XUÂN, NGUYỄN THU HÀ, ĐỖ NGUYỄN HẢI | Ảnh hưởng của tỷ lệ trộn rơm ủ và đất phù sa đến năng suất, chất lượng dưa chuột trồng trong chậu | TS. Bùi Huy Hiền |
| 99. | | 57-61 | NGUYỄN VĂN HUÂN, LÊ NHƯ KIỀU, LÊ THANH BÌNH, TRẦN QUANG MINH | Nghiên cứu sử dụng acridin màu da cam gây đột biến để nâng cao hoạt lực đối kháng của các chủng vi khuẩn <i>Pseudomonas fluorescens</i> và <i>Bacillus subtilis</i> với <i>Ralstonia solanacearum</i> gây bệnh héo xanh cà chua | PGS.TS. Lê Lương Tề |
| 100. | | 62-68 | HOÀNG KIM THOA, HỒ THỊ QUỲNH TRANG, HÀ ANH QUÂN, LÊ THỊ NHI, HỒ THỊ THU GIANG | Nhện hại hành tỏi vùng đồng bằng sông Hồng và biện pháp phòng trừ | GS.TS. Phạm Văn Lâm |
| 101. | Số 16 (271) | 11-17 | TRƯƠNG XUÂN CƯỜNG, NGUYỄN THÀNH LONG, ĐINH VÕ SỸ, NGÔ THANH LỘC | Xây dựng cơ sở dữ liệu đất canh tác và đề xuất bố trí hệ thống cây trồng hợp lý tại huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang | TS. Bùi Huy Hiền |
| 102. | | 18-25 | LÊ THỊ HƯƠNG GIANG, HOÀNG ANH VŨ, NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG | Đánh giá tác động xói mòn đất của dự án chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng cây cao su tại xã Ngân Thủy, Kim Thủy và Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình | TS. Bùi Huy Hiền |
| 103. | | 26-31 | NGUYỄN THANH HÀ, PHẠM XUÂN HỘI, NGUYỄN THỊ THANH THỦY, HOÀNG HOA | Vi khuẩn nội sinh phân hủy N – acyl – L – homoserin lacton (AHLs) sử dụng trong phòng trừ bệnh thối nhũn củ khoai tây | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |

| | | | | | |
|------|----------------|----------------|--|--|--|
| | | | LONG | | |
| 104. | | 32-38 | TRƯƠNG THỊ HỒNG HẢI, PHẠM THANH BÌNH, NGUYỄN THỊ THU THỦY | Đánh giá đa dạng di truyền của các chủng vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> Smith ở một số tỉnh miền Nam bằng chỉ thị RAPD | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |
| 105. | | 39-47 | BÙI VĂN QUANG, NGUYỄN THẾ HÙNG, NGUYỄN THỊ LÂN, TRẦN TRUNG KIÊN, NGUYỄN THỊ MAI THẢO | Nghiên cứu ảnh hưởng của lượng đạm bón thời kỳ 8 – 9 lá, trước trở 10 ngày đến khả năng sinh trưởng và phát triển của một số giống ngô lai trong vụ xuân (2011 và 2012) tại Thái Nguyên | TS. Bùi Huy Hiền |
| 106. | | 55-61 | HOÀNG THỊ THỦY, NGÔ XUÂN BÌNH | Nghiên cứu đặc điểm sinh học liên quan đến tính bất dục đực ở cây có múi (Citrus) | TS. Cao Anh Long |
| 107. | | 84-87 | PHẠM THỊ HOA, NGUYỄN VĂN LẬP, PHẠM VĂN KIM NGỌC, PHẠM NGỌC | Đánh giá khả năng sử dụng chiết xuất lục bình trong xử lý nước thải | PGS.TS. Khuất Hữu Thanh |
| 108. | Số 17 (272) | 10-20 | NGUYỄN QUỐC KHƯƠNG, LÊ VĂN DANG, LÝ NGỌC THANH XUÂN, LÂM NGỌC PHƯƠNG | Khả năng hấp thu NPK của cây bắp lai ở các mô hình luân canh trên đất phù sa không được bồi ở đồng bằng sông Cửu Long | TS. Bùi Huy Hiền |
| 109. | | 21-28 | NGUYỄN PHÚC KHOA, NGUYỄN HỮU NGŨ, NGUYỄN NGỌC THANH | Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất nông nghiệp ven biển miền Trung: Nghiên cứu trường hợp xã Phú Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế | TS. Bùi Huy Hiền |
| 110. | | 29-33 | NGUYỄN THẾ HÙNG, VŨ THỊ THANH HƯƠNG | Một số đặc tính vật lý đất trong các thảm thực vật thoái hóa ở thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh | TS. Bùi Huy Hiền |
| 111. | | 43-47 | BÙI VĂN DŨNG, PHẠM THỊ VƯỢNG, LÝ VĂN ĐÀM, THẾ TRƯỜNG THÀNH, LÊ XUÂN VỊ | Hiện tượng đình dục bắt buộc ở pha trứng của bọ ánh kim đời môi <i>Oides duporti</i> Laboissiere (Coleoptera: Chrysomelidae) hại cây hời ở tỉnh Lạng Sơn | GS.TS. Nguyễn Văn Đĩnh |
| 112. | | 48-54 | LÊ HỒNG ÉN, LÊ HẢI, VÕ THỊ KIM HIỀN, HOÀNG VĂN CƯỜNG | Nghiên cứu tác động của tia gamma đến sự nảy mầm hạt, sinh trưởng và phát triển của cây thu hải đường kép (<i>Begonia 'go go salmom'</i>) | PGS.TS. Đặng Trọng Lương |
| 113. | | 55-60 | BÙI THỊ NGA, TARO IZUMI, NGUYỄN CÔNG THUẬN | Sử dụng nước thải mô hình khí sinh học trồng cây vạn thọ (<i>Tagetes patula</i> L.) | GS.TS. Nguyễn Xuân Linh |
| 114. | | Số 18 (273) | 57-62 | NGUYỄN ĐỨC MINH HÙNG, ĐỖ THỊ TUYẾN, TRẦN VĂN MINH | Nghiên cứu ảnh hưởng của đèn LED và bioreactor chìm ngập cách quãng đến sinh trưởng quang tự dưỡng cây hồng (<i>Paulownia fortunei</i>) in vitro |

| | | | | | |
|------|----------------|-------|--|---|----------------------------|
| 115. | Số 19 (274) | 25-31 | NGUYỄN THỊ LANG, NGUYỄN TRỌNG PHƯỚC, BÙI CHÍ BỬU | Sự tương tác kiểu gien và môi trường lên năng suất của bộ giống lúa nếp trên các vùng sinh thái khác nhau của đồng bằng sông Cửu Long | PGS.TS. Nguyễn Minh Công |
| 116. | | 32-39 | LÊ HỒNG ÉN, NGUYỄN THÀNH MẾN, LÊ HẢI, NGUYỄN TRỌNG HOÀNH PHONG, LÊ VĂN TOÀN, NGUYỄN VĂN KẾT | Nghiên cứu chế tạo vật liệu siêu hấp thụ nước bằng kỹ thuật ghép bức xạ monome tan nước lên mụn xơ dừa và bước đầu đánh giá hiệu quả sử dụng lên cây cà phê chè (Coffea arabica) | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |
| 117. | | 40-46 | LÊ VĂN TRỌNG, VŨ THỊ THU HIỀN | Nghiên cứu một số chỉ tiêu trao đổi nước liên quan đến năng suất của một số giống lạc (Arachis hypogaea L.) trồng tại Thanh Hóa | PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng |
| 118. | | 47-53 | TẮT ANH THU, NGUYỄN MINH HOÀNG ÂN, NGUYỄN VĂN QUÍ | Sử dụng mô hình AquaCrop trong mô phỏng năng suất cây đậu nành trồng trong điều kiện sử dụng nước trời | GS.VS.TSKH. Trần Đình Long |
| 119. | | 54-63 | NGÔ HỒNG BÌNH, NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG, NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG, NGUYỄN THỊ THANH THẢO | Kết quả nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng, phát triển của giống táo 11 Tao 05 | TS. Cao Anh Long |
| 120. | | 64-69 | HOÀNG THỊ ANH, ĐÀM THỊ THU HÀ, LÊ THỊ THU TRANG, LÃ TUẤN NGHĨA, NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ, NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG, ĐỖ HẠ THU | Nghiên cứu đa dạng di truyền một số nguồn gien cây sen (Nelumbo nucifera Gaertn.) ở Việt Nam bằng chỉ thị SSR | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 121. | Số 20 (275) | 3-11 | NGUYỄN HỮU NGŨ, DƯƠNG QUỐC NŨN, PHAN THỊ PHƯƠNG NHI | Ứng dụng chỉ số SPI đánh giá ảnh hưởng của hạn hán đến năng suất lúa ở vùng cao Thừa Thiên – Huế | PGS.TS. Nguyễn Văn Cương |
| 122. | | 12-16 | TRẦN ANH HÙNG, ĐINH THỊ TIÊU OANH, LẠI THỊ PHÚC, LÊ QUANG HÙNG, HOÀNG THANH TIỆM | Kết quả bước đầu đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng một số dòng cà phê chè (Coffea arabica) trồng tại Buôn Ma Thuột | TS. Lê Văn Đức |
| 123. | | 17-23 | NGUYỄN THỊ THU THỦY, NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG, TRƯƠNG THỊ HỒNG HẢI | Khả năng kháng bệnh đạo ôn (Pyricularia oryzae) ở Nam Trung bộ và đặc điểm nông sinh học của một số dòng lúa chứa gien kháng bệnh | PGS.TS. Lê Lương Tề |
| 124. | | 24-31 | NGUYỄN THỊ PHONG LAN, TRẦN THỊ CÚC HÒA | Nghiên cứu phòng trừ sinh học bệnh đạo ôn hại lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long | PGS.TS. Lê Lương Tề |

| | | | | | |
|------|----------------|-------|---|--|-----------------------------|
| 125. | | 39-46 | NGUYỄN VĂN MẠNH, BÙI THỊ NGA | Sử dụng phân hữu cơ bùn đáy ao nuôi thâm canh tôm thẻ trồng rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>) tại huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 126. | | 47-50 | TRÌNH CÔNG TU, NGUYỄN THỊ KIM THU, TRƯƠNG VĂN BÌNH, NGUYỄN VĂN BÌNH | Nghiên cứu sử dụng chế phẩm NEB – 26 và giảm lượng đạm cần bón cho lúa tại tỉnh Đắk Lắk | TS. Bùi Huy Hiền |
| 127. | | 51-58 | TRẦN THỊ HỒNG THẨM, LÊ THỊ KIM LOAN | Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đền năng suất, hiệu quả kinh tế của vùng trên đất xám trồng lúa Đồng Thấp Mười | TS. Bùi Huy Hiền |
| 128. | | 59-64 | HUỖNH VĂN QUỐC, NGUYỄN VĂN SINH, LÊ QUANG TRÍ, DƯƠNG MINH VIỄN, CHÂU MINH KHÔI | Đánh giá khả năng cung cấp đạm khoáng của bùn đáy trong mô hình canh tác lúa tôm | TS. Bùi Huy Hiền |
| 129. | Số 21 (276) | 10-15 | NGUYỄN QUỐC TRUNG, PHẠM VĂN CƯỜNG | Xác định gien quy định thời gian trổ sớm ở cây lúa bằng phương pháp phân tích các điểm tính trọng số lượng (QLT) | PGS.TS. Đặng Trọng Lương |
| 130. | | 16-24 | LÊ MINH TUỜNG, PHẠM TUẤN VŨ, NGÔ THỊ KIM NGÂN | Khảo sát đặc tính của các chủng xạ khuẩn có triển vọng trong quản lý bệnh đốm vằn hại lúa | PGS.TS. Lê Lương Tề |
| 131. | | 25-31 | BÙI VĂN QUANG, NGUYỄN THẾ HÙNG, NGUYỄN THỊ LÂN, TRẦN TRUNG KIÊN, PHẠM QUỐC TOÁN | Tính toán lượng đạm bón vào thời kỳ trước trổ 10 ngày dựa vào chỉ số diệp lục cho một số giống ngô vụ đông tại Thái Nguyên | TS. Bùi Huy Hiền |
| 132. | | 32-38 | PHẠM THỊ MINH PHƯỢNG | Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số mẫu giống hoa hiên (<i>Hemerocallis</i> sp.) thu thập ở Việt Nam | GS.TS. Nguyễn Xuân Linh |
| 133. | | 39-44 | NGUYỄN HOA DU, LÊ VĂN ĐIỆP | Ảnh hưởng của phân bón đất hiếm đến một số thông số chất lượng của cam Vinh vùng Phú Quý – Nghệ An | TS. Hoàng Thị Lệ Hằng |
| 134. | | 45-50 | LÃ VĂN HIỀN, NGUYỄN TIẾN DŨNG, DƯƠNG THỊ THẨM, NGÔ XUÂN BÌNH | Nghiên cứu khả năng tái sinh một số giống bưởi (<i>Citrus grandis</i> (L.) Osbeck) bằng phương pháp nuôi cấy in vitro | PGS.TS. Nguyễn Văn Đồng |

| | | | | | |
|------|----------------|----------------|--|--|--|
| 135. | | 51-55 | TRẦN ĐĂNG HÒA, HOÀNG TRỌNG NGHĨA | Nghiên cứu ảnh hưởng chế độ tưới nước đến phát thải khí CH ₄ , N ₂ O và năng suất lúa trên đất phù sa cổ tại Quảng Nam | PGS.TS. Phạm Quang Hà |
| 136. | Số 22 (277) | 3-10 | NGUYỄN THỊ PHONG LAN, VÕ THỊ THU NGÂN, TRẦN HÀ ANH, TRẦN THỊ CÚC HÒA. | Sử dụng nguồn xạ khuẩn bản địa chi Streptomyces để phòng trừ sinh học bệnh đạo ôn (Pyricularia grisea) hại lúa | GS.TS. Nguyễn Thơ |
| 137. | | 11-16 | VŨ THỊ NGUYỄN, NGUYỄN QUỐC HÙNG, VŨ THỊ THANH THỦY, NGUYỄN THẾ HUẤN | Kết quả nghiên cứu khả năng thụ phấn, thụ tinh liên quan đến tỷ lệ đậu quả của bưởi Đại Minh tại Yên Bình – Yên Bái | TS. Đỗ Đình Ca |
| 138. | | 17-23 | NGÔ QUANG HƯỜNG, TRỊNH THỊ THANH HUYỀN, LÊ ĐẠI PHÚC, TRẦN THỊ LỆ MINH, LÊ QUANG LUÂN | Nghiên cứu khả năng phát sinh biến dị mẫu mô sẹo cây hoắc hương (Pogostemon cablin (Blanco) Benth) bằng bức xạ gamma Co 60 | TS. Khuất Hữu Trung |
| 139. | | 24-32 | KIỀU XUÂN ĐÀM, ĐINH THỊ KIM BIÊN | Đánh giá khả năng chịu hạn và năng suất của một số tổ hợp ngô lai triển vọng | GS.TS. Ngô Hữu Tinh |
| 140. | | 33-40 | NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT, TRỊNH ĐÌNH ĐẠT, NGUYỄN THỊ THANH THỦY | Lập bản đồ QTL quy định chất lượng xơ ở cây bông | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 141. | | 41-47 | TRỊNH DUY NAM, NGUYỄN THỊ THỦY, ĐOÀN THỊ LƯƠNG, NGUYỄN THỊ MAI LƯƠNG | Một số kết quả nghiên cứu bổ sung về rệp sáp hại cà phê tại Đắk Lắk | GS.TS. Phạm Văn Lâm |
| 142. | | 48-52 | TRƯƠNG HỒNG, NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ, VÕ THỊ THU VÂN, HOÀNG HẢI LONG | Nghiên cứu xác định lượng nước và chu kỳ tưới thích hợp cho cây ca cao tại Đắk Lắk bằng phương pháp tưới tiết kiệm | TS. Lê Văn Đức |
| 143. | | Số 23 (278) | 23-30 | NGUYỄN THỊ HỒNG, VÕ THỊ MINH TUYẾN, NGUYỄN THỊ HUỆ, ĐOÀN VĂN SƠN, TRẦN THU TRANG, LÊ HUY HÀM | Ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ tia gamma và chỉ thị phân tử trong cải tạo năng suất giống lúa chịu mặn |

| | | | | | |
|------|-------------|-------|--|--|-----------------------------|
| 144. | | 31-37 | NGUYỄN THỊ TRANG, NGUYỄN THỊ GIANG, VŨ THỊ THU HIỀN | Nghiên cứu xác định các chỉ thị sao chép có trình tự đơn giản (Marker SSR) nhận dạng một số giống lúa bản địa Việt Nam chịu ngập ở giai đoạn nảy mầm | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 145. | | 38-43 | ĐỖ THỊ HẠNH, PHẠM THỊ VÂN, PHẠM XUÂN HỘI | Tạo kháng thể đa dòng kháng vi rút lùn sọc đen Phương Nam hại lúa bằng protein tái tổ hợp | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |
| 146. | | 44-52 | PHẠM THỊ MINH VƯỢNG, TRỊNH THỊ HẰNG | Đánh giá đặc điểm nông sinh học của một số giống hoa hiên nhập nội tại Hà Nội | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Lý |
| 147. | | 53-59 | NGUYỄN THỊ LEN, LÊ THỊ HUỠNG, NGÔ THỊ LINH HUỠNG, PHẠM XUÂN THU | Nghiên cứu hiệu quả của bón phân kết hợp với tưới nước ở vụ xuân cho cây dâu | TS. Bùi Huy Hiền |
| 148. | | 60-67 | NGUYỄN THỊ KIỀU, PHAN VĂN TRẠNG, TRẦN KIM TÍNH | Phương pháp xác định axit hữu cơ trong dung dịch đất ở ruộng lúa có vùi rơm rạ tưới phân hủy ở điều kiện yếm khí | PGS.TS. Lê Đức |
| 149. | | 68-72 | NGUYỄN HỮU LA, HÀ MẠNH PHONG | Nghiên cứu mật độ trồng khoai môn xen keo trong hệ thống nông lâm kết hợp tại Bắc Kạn | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 150. | | 73-80 | BÙI THỊ NGỌC DUNG, HỒ SĨ CÔNG, PHẠM THỊ HÀ NHUNG | Nghiên cứu hoàn thiện kỹ thuật canh tác sản bền vững trên đất gò đồi tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 151. | Số 24 (279) | 3-10 | LÃ VĂN HIỀN, NGUYỄN TIẾN DŨNG, NGUYỄN VĂN DUY, HOÀNG KIM THÀNH, NGÔ XUÂN BÌNH | Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến khả năng tái sinh cây tam thất gừng (<i>Stablianthus thorelli</i> Gagnep) in vitro | PGS.TS. Nguyễn Văn Đồng |
| 152. | | 11-15 | PHẠM THỊ VƯỢNG, ĐẶNG THỊ LAN ANH, NGÔ VĂN DŨNG, PHẠM VĂN SƠN, HÀ THỊ KIM THOA, ĐOÀN THỊ LƯƠNG, NGUYỄN BÁ HUY, VŨ THỊ KIM THANH | Bệnh đốm trắng (<i>Neoscytalidium dimidiatum</i>) hại thanh long tại Bình Thuận và hiệu quả của một số thuốc hóa học trong phòng trừ bệnh | PGS.TS. Nguyễn Văn Việt |
| 153. | | 16-19 | NGUYỄN ĐỨC THUẬN, ĐÀO THỊ LAN HUỠNG, NGUYỄN THỊ THÚY HUỠNG, DƯƠNG VĂN SƠN, LƯƠNG VĂN HINH | Kết quả nghiên cứu liều lượng phân bón giống ngô lai NK67 tại tỉnh Sơn La | TS. Bùi Huy Hiền |

| | | | | | |
|------|--|-------|---|--|-----------------------------|
| 154. | | 20-25 | NGUYỄN THỊ LEN, PHẠM XUÂN THU, LÊ THỊ THANH HUYỀN | Nghiên cứu ảnh hưởng chất lượng lá của một số giống sản đến năng suất, chất lượng kén và trứng giống tằm sản | PGS.TS. Hà Văn Phúc |
| 155. | | 26-30 | TÀO NGỌC TUẤN, NGUYỄN HỒNG THÁI, MAI THU HÀ, ĐỖ THỊ THÚY | Kết quả nghiên cứu biện pháp cắt thân cây mẹ và sử dụng cành hoa chồi trong sản xuất hạt giống thuốc lá lai | PGS.TS. Đoàn Thị Thanh Nhân |
| 156. | | 31-36 | LÊ VĂN KHIÊM, BÙI THỊ PHƯƠNG LAN, VŨ DƯƠNG QUỲNH, TRẦN VŨ NAM, VŨ ĐÌNH TUẤN | Ảnh hưởng của một số kỹ thuật canh tác đến năng suất cây ngô trong điều kiện khô hạn trên đất cát biển Hải Hậu, Nam Định | TS. Bùi Huy Hiền |
| 157. | | 52-59 | PHẠM THỊ PHIN | Nghiên cứu độ mặn đất nông nghiệp huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | TS. Bùi Huy Hiền |

II. CHĂN NUÔI - THÚ Y

| | | | | | |
|------|---------------------|--------------|---|--|------------------------|
| 158. | Số 1 (256) | 66 - 71 | TRẦN QUỐC VIỆT, LÊ VĂN HUYỀN, ĐÀO THỊ PHƯƠNG, NINH THỊ HUYỀN, NGUYỄN THỊ NGỌC ANH, NGUYỄN NHÂN HÒA, NGUYỄN THỊ THÚY. | Giá trị dinh dưỡng của thóc và gạo lật dùng trong chăn nuôi lợn | TS. Ninh Thị Len |
| 159. | | 72-78 | TRẦN THỊ THÚY, NGUYỄN DUY HẠNG, NGUYỄN TẤN MÂN, LÊ HẢI, LÊ HỮU TƯ, TRẦN THU HỒNG, NGUYỄN TRỌNG HOÀNH PHONG, NGUYỄN TƯỜNG LI LAN, PHẠM THỊ SÂM, NGUYỄN QUỐC HIỀN | Nghiên cứu ảnh hưởng của chitosan chiếu xạ khối lượng phân tử thấp lên vi khuẩn gây bệnh đường ruột và sinh trưởng của gà Lương Phượng | TS. Trần Quốc Việt |
| 160. | Số 2 (257) | 81 - 86 | NNGUYỄN DUY HOAN. | So sánh thành phần hóa học và chất lượng thịt gà của hai phương thức nuôi: Chăn thả tự do và nhốt hoàn toàn | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 161. | Số 3+4 (258+259) | 156 - 160 | NGUYỄN DUY HOAN, PHÙNG ĐỨC HOÀN, PHÙNG HỮU CHÍNH | Nghiên cứu tập tính chia đàn và giao phối của ong chúa Apis cerena tại Thái Nguyên | TS. Lê Quang Trung |
| 162. | | 161 - 168 | HOÀNG THỊ NGHIỆP | Sự phân bố và tần số gặp lưỡng cư, bò sát ở vùng tây nam tỉnh Long An | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 163. | Số 5 (260) | 84 - 89 | HÀ VĂN QUYẾT, PHẠM THỊ TÂM, PHẠM CÔNG HOẠT, NGUYỄN QUANG TUYẾN | Nghiên cứu ảnh hưởng của interferon đến khả năng tạo đáp ứng miễn dịch bảo hộ của vắc - xin phòng bệnh Marek | PGS.TS. Cù Hữu Phú |
| 164. | | 90 - | TRƯƠNG HỮU DŨNG, NGUYỄN DUY HOAN, | Đặc điểm ngoại hình và khả năng cho thịt của gà Đa Cựa nuôi tại | PGS.TS. Nguyễn |

| | | | | | |
|------|----------------|--------------|---|---|-------------------------|
| | | | BÙI THẾ HOÀN | Xuân Sơn – Tân Sơn – Phú Thọ | |
| 165. | | 95 - 102 | LÊ ĐÌNH PHÙNG, PHÙNG THẮNG LONG, LÊ ĐỨC THẠO, LÊ LAN PHƯƠNG, NGÔ MẬU DŨNG, NGUYỄN VĂN DANH, PHẠM THỊ THU THỦY, NGUYỄN NGỌC HẢO, PHẠM KHÁNH TỬ, NGUYỄN XUÂN AN | Đánh giá sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của lợn lai PiC280 x F1 (Landrace x Yorkshire) và PiC399 x F1 (Landrace x Yorkshire) trong điều kiện chăn nuôi công nghiệp | PGS.TS. Phan Xuân Hảo |
| 166. | | 103 - 107 | VŨ NGỌC LƯƠNG | Quy trình nhân nuôi rắn hổ mang đất <i>Naja kaouthia</i> (Lesson, 1831) | TS. Võ Đình Sơn |
| 167. | | 61 - 66 | NGUYỄN ĐỨC TÂN, LÊ ĐỨC QUYẾT, LÊ HỨA NGỌC LỰC, ĐẬU THỂ NAM, HUỖNH VŨ VỸ | Một số đặc điểm lâm sàng, bệnh tích của bệnh do đơn bào <i>Histomonas meleagridis</i> gây ra ở gà nuôi tại một số tỉnh phía nam và hiệu quả của phác đồ điều trị | TS. Nguyễn Ngọc Nhiên |
| 168. | Số 6 (261) | 67 - 73 | ĐINH VĂN CẢI, TRẦN TRUNG CHÁNH | Ảnh hưởng của mức năng lượng (NEL) và protein thô (CP) ăn vào khác nhau đến năng suất sữa của bò HF thuần | PGS.TS. Nguyễn Tiến Vờn |
| 169. | | 74 - 80 | ĐINH VĂN DŨNG, LÊ ĐÌNH PHÙNG, LÊ ĐỨC NGOAN, NGUYỄN XUÂN BẢ, NGUYỄN HỮU VĂN | Ảnh hưởng của mức thức ăn tinh trong khẩu phần đến phát thải khí mêtan ở bò vàng Việt Nam nuôi vỗ béo | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 170. | Số 7 (262) | 70 - 79 | LÊ ĐỨC NGOAN, ĐINH VĂN DŨNG, LÊ ĐÌNH PHÙNG, LÊ VĂN THỰC, VŨ CHÍ CƯỜNG, LÊ THỊ HOA SEN, RAMÍREZ – RETREPO, C. A | Hiện trạng và một số kịch bản giảm phát thải khí mê tan từ chăn nuôi bò thịt bán thâm canh quy mô nông hộ ở đồng bằng sông Hồng: Nghiên cứu trường hợp tại huyện Đông Anh, Hà Nội | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 171. | Số 9 (264) | 64 - 72 | LÊ ĐÌNH PHÙNG, LÊ ĐỨC NGOAN, ĐINH VĂN DŨNG, LÊ VĂN THỰC, DƯƠNG THANH HẢI, VŨ CHÍ CƯỜNG, LÊ THỊ HOA SEN, RAMIREZ – RESTREPO, C. A | Hiện trạng và một số kịch bản giảm phát thải khí mê tan từ chăn nuôi bò sữa quy mô nông hộ ở miền Bắc: Nghiên cứu trường hợp chăn nuôi bò sữa nông hộ tại Ba Vì - Hà Nội | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 172. | Số 11 (266) | 87 - 91 | ĐỖ HỮU DŨNG, NGUYỄN VIỆT KHÔNG | Dịch tễ học phân tử của hội chứng sinh sản và hô hấp ở lợn (PRRS) tại Việt Nam giai đoạn 2007 - 2013 | PGS.TS. Lê Văn Năm |
| 173. | Số 13 (268) | 68 - 72 | NGUYỄN VĂN HUẾ, PHẠM THỊ BÉ, NGUYỄN XUÂN HÒA, TRẦN THỊ MỸ LY, VĂN NGỌC NHI | Đánh giá mức độ ô nhiễm vi sinh trong thịt lợn, thịt bò trên địa bàn thành phố Huế | PGS.TS. Lê Văn Năm |
| 174. | | 73 - 79 | ĐINH VĂN CẢI, HOÀNG THỊ NGÂN | Ảnh hưởng của các mức năng lượng (NEL) và protein (CP, UIP) ăn vào khác nhau đến năng suất sữa của bò lai > 75% máu HF | PGS.TS. Nguyễn Tiến Vờn |
| 175. | | 115 - 120 | NGUYỄN LÂN HÙNG SON, PHẠM THỊ | Một số đặc điểm sinh học sinh sản của vịt trời trong điều kiện nuôi | TS. Nguyễn Cử |

| | | | | | |
|------|----------------|-------------|--|---|------------------------------|
| | | | THANH, HOÀNG THỊ KIM LIÊN | tại trang trại ở huyện Lục Ngạn, Bắc Giang | |
| 176. | Số 14 (269) | 81-86 | NGUYỄN THỊ KIM LAN, TRƯƠNG THỊ TÍNH, LÊ VĂN NĂM, ĐỖ THỊ VÂN GIANG, NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ | Kết quả nuôi cấy đơn bào Histomonas meleagridis trong môi trường Dwyers và gây nhiễm cho gà ở Thái Nguyên | TS. Nguyễn Ngọc Nhiên |
| 177. | Số 15 (270) | 80 - 88 | TRẦN QUỐC VIỆT, LÊ VĂN HUYỀN, NINH THỊ HUYỀN, NGUYỄN NGỌC ANH | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử dụng thóc và gạo lật thay thế ngô trong khẩu phần đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn ở vịt CV Super M nuôi thịt | PGS.TS. Lê Đức Ngoan |
| 178. | Số 16 (271) | 88-94 | NGUYỄN ĐỨC HÙNG, NGUYỄN ĐỨC CHUNG | Sử dụng các công thức thức ăn hỗn hợp của Công ty Greenfeed (Nhà máy Bình Định) sản xuất cho gà ri lai 168 GF nuôi tại Quảng Trị | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 179. | Số 17 (272) | 85 - 93 | ĐẶNG XUÂN BÌNH, NGUYỄN THẾ ANH, DƯƠNG QUỐC TIẾN | Nghiên cứu mức độ nhiễm vi khuẩn Escherichia coli, Listeria monocytogenes và Salmonella spp nhiễm trong thịt lợn tươi bán tại chợ một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam | TS. Nguyễn Ngọc Nhiên |
| 180. | | 94 - 99 | TRẦN THANH VÂN, TRẦN QUỐC VIỆT, VÕ VĂN HÙNG, NGUYỄN THỊ THÚY MỸ, NGUYỄN THU QUYÊN | Nghiên cứu xác định mức lizin/ME, protein và axit amin thích hợp trong khẩu phần chăn nuôi gà F1 (RI x Lương Phượng) | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 181. | Số 18 (273) | 80-87 | VŨ THỊ THU HUYỀN, PHẠM VIỆT CƯỜNG | Vai trò một số cytokine đối với bệnh gia cầm | PGS.TS. Lê Văn Năm |
| 182. | | 88-92 | DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN, NGUYỄN THỊ KIM LAN, LÊ VĂN NĂM, NGUYỄN ĐÌNH HẢI | Tình hình nhiễm đơn bào đường máu Leucocytozoon spp. ở gà tại tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang | PGS.TS. Nguyễn Viết Không |
| 183. | | 93- 98 | NGUYỄN QUÝ KHIÊM, LÊ THỊ THU HIỀN, PHÙNG VĂN CẢNH | Khả năng sản xuất của tổ hợp gà lai F1 (Chọi x LV) | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 184. | Số 19 (274) | 86-93 | LÃ VĂN KÍNH, VƯƠNG NAM TRUNG | Ảnh hưởng của các mức khoáng, vitamin và cân bằng điện giải trong khẩu phần tới sức sản xuất của lợn thịt | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 185. | | 94- 100 | ĐINH VĂN DŨNG, LÊ ĐÌNH PHÙNG, LÊ ĐỨC NGOAN, NGUYỄN XUÂN BẢ, NGUYỄN HỮU VĂN | Ảnh hưởng của mức protein trong thức ăn tinh đến phát thải khí mê tan ở bò vàng Việt Nam nuôi vỗ béo | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 186. | | 101- 106 | NGUYỄN THỊ QUYÊN, NGUYỄN THỊ KIM LAN, NGUYỄN THỊ NGÂN, NGUYỄN VĂN BẢNG, HOÀNG VĂN HIỀN | Mô tả ba loài giun tròn ký sinh ở đường tiêu hóa của chó tại Phú Thọ | TS. Nguyễn Ngọc Nhiên |
| 187. | Số 20 (275) | 65-73 | PHÙNG THẮNG LONG, LÊ ĐỨC THAO, ĐINH | Sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của một số tổ hợp lợn | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |

| | | | | | |
|------|-------------|---------|---|--|---------------------------|
| | | | PHÙNG | (Meishan) nuôi theo phương thức công nghiệp | |
| 188. | | 74-81 | LÃ VĂN KÍNH, NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG | Nghiên cứu sử dụng các chế phẩm thảo dược để thay thế kháng sinh trong thức ăn gà đẻ | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 189. | | 89-95 | NGUYỄN THU TRANG, NGUYỄN THỊ KIM LAN, DƯƠNG NHƯ NGỌC, NGUYỄN THỊ NGÂN, PHẠM ĐIỀU THÙY | Một số đặc điểm bệnh do ấu trùng <i>Cysticercus tenuicollis</i> gây ra trên lợn tại Thái Nguyên | PGS.TS. Nguyễn Việt Không |
| 190. | | 101-108 | TRẦN THỊ THU HỒNG, HOÀNG QUỐC HÙNG, LÊ VĂN AN, HIDENORI HARADA | Ảnh hưởng của các mức bã sắn lên men trong khẩu phần ăn đến hiệu quả sinh trưởng và năng suất và chất lượng thịt của gà ri | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 191. | Số 21 (276) | 109-117 | NGUYỄN XUÂN BẢ, ĐINH XUÂN DŨNG, NGUYỄN THỊ MÙI, NGUYỄN HỮU VĂN, PHẠM HỒNG SƠN, HOÀNG THỊ MAI, TRẦN THANH HẢI, ROWAN SMITH, DAVID PARSONS, JEFF CORFIELD | Hiện trạng hệ thống chăn nuôi bò sinh sản trong nông hộ ở vùng duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam | PGS.TS. Đinh Văn Cãi |
| 192. | | 83 - 91 | LÊ ĐÌNH PHÙNG, NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO, PHÙNG THẮNG LONG, LÊ LAN PHƯƠNG, NGÔ MẬU DŨNG, LÊ ĐỨC THẠO, HOÀNG NGỌC HẢO, PHẠM KHÁNH TỬ | Sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của lợn lai PIC 280 x F1 (Landrace x Yorkshire) và PIC 399 x F1 (Landrace x Yorkshire) trong vụ hè thu tại Thừa Thiên – Huế | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 193. | | 92 - 98 | NGUYỄN HỮU VĂN, NGUYỄN THỊ MÙI, NGUYỄN SONG TOÀN, NGUYỄN XUÂN BẢ, NGUYỄN TIẾN VÓN | Nghiên cứu sản xuất thức ăn hỗn hợp lên men (FTMR) từ nguồn phụ phẩm trồng trọt giàu xơ để nuôi bò thịt: I. Khảo sát chất lượng thức ăn FTMR sản xuất từ các loại phụ phẩm khác nhau | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 194. | Số 23 (278) | 92 - 96 | LÃ THỊ THANH HUYỀN, NGUYỄN VĂN PHÚ | Sử dụng chế phẩm thảo dược từ cao xạ can, bọ mấm và viên chí để thay thế kháng sinh trong thức ăn cho lợn con sau cai sữa | PGS.TS. Lê Văn Năm |
| 195. | | 79 - 83 | VŨ KHẮC HÙNG, ĐỖ VĂN TẤN, TRỊNH THU HẰNG, LÊ THẮNG, NGUYỄN THỊ THU GIANG, ĐÀO HOÀI THU, LÊ THỊ NHƯỜNG | Khảo sát sự lưu hành và phân tích gen ORF5 của PRRSV phân lập tại Khánh Hòa | PGS.TS. Tô Long Thành |
| 196. | | 84 - 88 | LÊ ANH SƠN, TÓNG MINH PHƯƠNG | Khảo sát một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của giống gà Kha Thày | PGS.TS. Nguyễn Văn Đức |
| 197. | | 89 - 96 | NGUYỄN HỮU VĂN, NGUYỄN SONG TOÀN, NGUYỄN XUÂN BẢ, | Nghiên cứu sản xuất thức ăn hỗn hợp lên men (FTMR) từ nguồn phụ phẩm trồng trọt giàu chất xơ | GS.TS. Vũ Duy Giảng |

| | | | | | |
|-------------------------------|---------------------|--------------|--|---|--------------------------|
| | | | NGUYỄN TIẾN VỐN | đề nuôi bò thịt : II Khảo sát hiệu quả của việc sử dụng thức ăn FTMR sản xuất từ thân lá cây ngô | |
| III. CƠ KHÍ - CHẾ BIẾN | | | | | |
| 198. | Số 2 (257) | 49 - 55 | LIÊU MỸ ĐÔNG, NGUYỄN THÚY HƯƠNG | Khảo sát ảnh hưởng của whey protein và prebiotic lên tỉ lệ sống sót của Bifidobacterium bifidum vi gói trong sữa chua synbiotic | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 199. | | 56 - 61 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN, HUỲNH THỊ KIM CÚC, TẠ THỊ TỔ QUYÊN | Nghiên cứu sản xuất bột khoai lang tím giàu antioxian quy mô phòng thí nghiệm | TS. Trần Thị Mai |
| 200. | | 62 - 67 | NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ, NGUYỄN NGỌC HUYỀN, NGUYỄN THỊ THU HUYỀN, VŨ THU ĐIỀM, LÊ THỊ TRANG | Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện lên men đến quá trình sinh tổng hợp gồm gellant từ chủng Sphingomonas paucimobilis GL 12 | PGS.TS. Bùi Quang Thuật |
| 201. | | 101- 106 | LÊ HƯƠNG THUY, VŨ NGỌC BỘI, NGUYỄN THỊ HẰNG, ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG | Nghiên cứu sản xuất bột đậm từ dịch thủy phân moi biển (Acetes sp) và thử nghiệm sử dụng trong pha chế nước mắm công nghiệp | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 202. | Số 3+4 (258+259) | 116- 123 | ĐẶNG XUÂN CƯỜNG, VŨ NGỌC BỘI, ĐÀO TRỌNG HIẾU | Độ ổn định màu sắc, hoạt chất (polyphenol, diệp lục) với hoạt tính chống ô xy hóa của đồ uống có nguồn gốc từ cây ngô | TS. Trần Thị Mai |
| 203. | | 152 - 155 | LÊ THU HÀ, BÙI THỊ HOA, TRƯƠNG NGỌC HOA, MAI THỊ HUỆ | Đánh giá sự tích tụ của một số kim loại nặng trong mô thịt cá trôi (Labeo rohita) | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 204. | | 237 - 242 | TRẦN VĂN CHỨ, VŨ MẠNH TUÔNG | Nghiên cứu tính chất vật liệu composit gỗ chế tạo từ gỗ keo lai và nano titan đioxit (TiO2) | GS.TS. Hà Chu Chử |
| 205. | Số 5 (260) | 39 - 47 | NGUYỄN NĂNG NHƯỢNG, NGUYỄN QUANG BỘI, TRẦN VĂN ĐẠT, VŨ QUỐC HUY | Nghiên cứu xác định một số thông số chính làm cơ sở xây dựng quy trình định lượng, phối trộn tự động chè đen CTC bằng tổ hợp silo phục vụ xuất khẩu | PGS.TS. Nguyễn Duy Thịnh |
| 206. | | 114 - 122 | TRẦN VĂN CHỨ | Nghiên cứu công nghệ tạo ván LVL (Laminated veneer Lumber) chậm cháy | GS.TS Hà Chu Chử |
| 207. | Số 6 (261) | 87-93 | VŨ QUỐC HUY, NGUYỄN MINH HẸ, NGUYỄN DUY THỊNH, PHẠM ANH TUẤN | Tối ưu hóa một số thông số công nghệ để bảo quản chè đen TCT bằng phương pháp điều biến khí (MA - Modified atmosphere) | TS. Phạm Công Dũng |
| 208. | | 114- 119 | LÊ XUÂN PHƯƠNG, TRẦN VĂN CHỨ | Sự biến đổi cấu trúc hóa học gỗ keo tai tượng sau khi xử lý biến tính nhiệt | GS.TS. Hà Chu Chử |
| 209. | Số 7 (262) | 51-55 | PHẠM MỸ DUNG, PHẠM THỊ TÂM, PHẠM CÔNG HOẠT, LÊ HUY HÀM | Nghiên cứu một số đặc tính vật lý và hóa học của enzym tái tổ hợp gelatinaza | TS. Lê Quang Trung |
| 210. | | 65 - 69 | LÊ VĂN HẠNH | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo cánh tuốc bin gió ứng dụng trong công nghiệp phong điện | PGS.TS. Ngô Sỹ Lộc |

| | | | | | |
|------|----------------|--------------|---|---|-----------------------------|
| 211. | | 121 - 127 | NGUYỄN MINH HÙNG, LÊ XUÂN PHƯƠNG | Nghiên cứu chế tạo vật liệu compozit từ phế liệu vỏ lốp xe | PGS.TS. Hoàng Hữu Nguyên |
| 212. | | 128 - 132 | TRẦN VĂN CHÚ, VŨ MẠNH TUỒNG | Ảnh hưởng của xử lý nhiệt đến khả năng chịu ẩm của gỗ keo lai | GS.TS. Hà Chu Chữ |
| 213. | Số 8 (263) | 46 - 52 | HUỲNH THỊ TRƯỜNG, PHAN PHƯỚC HIỀN, LÊ TRUNG THIÊN | Nghiên cứu sử dụng vi sóng để bất hoạt enzym trong chế biến chè Ô Long | TS. Phạm Công Dũng |
| 214. | | 53 - 57 | NGUYỄN HAY, LÊ ANH ĐỨC | Nghiên cứu hệ thống tách ẩm ứng dụng trong thiết bị cô đặc mật ong chân không | GS.TSKH. Phạm Văn Lang |
| 215. | | 117 - 124 | TRẦN VĂN CHÚ, LÊ XUÂN PHƯƠNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ ép đến chất lượng ván dán chậm cháy từ gỗ keo lai | GS.TS. Hà Chu Chữ |
| 216. | Số 9 (264) | 60 - 63 | NGUYỄN HAY, LÊ ANH ĐỨC, NGUYỄN VĂN LÀNH | Thiết kế chế tạo và nghiên cứu thực nghiệm máy sấy hạt ớt giống | GS.TSKH. Phạm Văn Lang |
| 217. | | 123 - 127 | TRẦN VĂN CHÚ, LÊ XUÂN PHƯƠNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của công nghệ xử lý nhiệt đến màu sắc của ván mỏng gỗ bô đề dùng trong sản xuất ván lạng kỹ thuật | PGS.TS. Hoàng Hữu Nguyên |
| 218. | | 128 - 134 | NGUYỄN VĂN THIẾT, LÊ XUÂN PHƯƠNG | Ảnh hưởng đồng thời của ba yếu tố: Nồng độ, thời gian và áp suất tâm nano SiO ₂ đến chất lượng ván sàn biến tính từ gỗ keo lai (<i>Acacia mangium</i> x <i>Acacia auriculiformis</i>) | TS. Bùi Văn Ái |
| 219. | Số 10 (265) | 79 - 85 | VŨ QUỐC HUY, NGUYỄN MINH HỀ, PHẠM ANH TUẤN | Một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của chè đen CTC trong quá trình sấy lại và bảo quản | PGS.TS. Đỗ Văn Chương |
| 220. | | 86 - 90 | NGUYỄN HAY, LÊ ANH ĐỨC | Nghiên cứu xác định phương pháp sấy và chế độ sấy nhằm linh chi | PGS.TS. Chu Văn Thiện |
| 221. | | 91 - 94 | PHÍ THỊ THANH MAI, TRẦN LIÊN HÀ, NGUYỄN THANH HẰNG, NGUYỄN THỊ THÙY | Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn có khả năng lên men sản xuất axit lactic từ xyloza | TS. Trần Thị Mai |
| 222. | | 124- 130 | TRẦN VĂN CHÚ, LÊ XUÂN PHƯƠNG | Hiệu quả chống cháy của hai đơn pha chế chất chống cháy nhóm Bo và urê phốt phát | TS. Võ Thành Minh |
| 223. | | 131 - 136 | NGUYỄN VĂN QUÂN | Ảnh hưởng của một số thông số kỹ thuật đến chi phí năng lượng riêng khi cắt gỗ rừng trồng bằng cưa xăng | TS. Nguyễn Quang Trung |
| 224. | Số 11 (266) | 69-74 | NGUYỄN HAY | Nghiên cứu sấy cá lóc theo nguyên lý sấy bơm nhiệt kết hợp vi sóng | GS.TSKH. Phạm Văn Lang |
| 225. | | 75-81 | HỒ THỊ NGỌC TRÂM, LƯƠNG HỒNG QUANG, PHAN PHƯỚC HIỀN | Nghiên cứu sử dụng sóng siêu âm để nâng cao hiệu suất trích ly polyphenol từ phụ phẩm trà | TS. Trần Thị Mai |

| | | | | | |
|------|----------------|--------------|--|---|---------------------------|
| | | | | Ôlong | |
| 226. | | 82-86 | ĐÀO VĂN NGUYỄN, PHẠM THỊ TÂM, PHẠM MỸ DUNG, PHẠM CÔNG HOẠT, LÊ HUY HÀM | Nghiên cứu ứng dụng gelatinaza tái tổ hợp để thủy phân da cá ba sa | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 227. | | 119 – 124 | LÝ TUẤN TRƯỜNG, TRẦN VĂN CHÚ | Ảnh hưởng của nhuộm màu bằng kali – Đi - cromat (K ₂ Cr ₂ O ₇) đến các chỉ số màu sắc của ván mỏng từ gỗ keo lá tràm (Acacia auriculiformis) | PGS.TS. Hoàng Hữu Nguyên |
| 228. | | 125 - 131 | NGUYỄN VĂN QUÂN | Nghiên cứu dao động của máy kéo bông sen – 20 khi vận chuyển gỗ bằng rơ mooc một trục RMH - 3000 | GS.TSKH. Phạm Văn Lang |
| 229. | Số 12 (267) | 75 – 85 | ĐỖ THỊ KIM LOAN, NGUYỄN THỊ VIỆT ANH, VŨ VĂN HẠNH, BẠCH HOÀNG MY | Cải biến chủng vi khuẩn axit axetic bằng kỹ thuật đột biến ngẫu nhiên nhằm nâng cao khả năng sinh tổng hợp axit axetic ứng dụng trong sản xuất dấm lên men nồng độ cao trên môi trường bổ sung dịch bã rượu | TS. Trần Thị Mai |
| 230. | | 86 - 90 | TRƯỜNG THỊ CẨM TRANG, TRƯỜNG THỊ THỦY, PHẠM THỊ MINH MẪN | Nghiên cứu tổng hợp màng chitosan/xenuloza và khảo sát khả năng phân tách của màng bằng hỗn hợp rượu ethanol/nước | PGS.TS. Nguyễn Thúy Hương |
| 231. | Số 13 (268) | 45 – 54 | NGUYỄN NGỌC BÌNH, TRỊNH VĂN LOAN, LÊ ĐÌNH GIANG, NGUYỄN THỊ THỦY | Một số kết quả nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến chè đen CTC từ giống chè mới PH 11 | TS. Phạm Công Dũng |
| 232. | | 55 – 61 | ĐẶNG XUÂN CƯỜNG, VŨ NGỌC BỘI, TRẦN THỊ THANH VÂN, ĐÀO TRỌNG HIẾU | Nghiên cứu quy trình sản xuất đồ uống chống oxy hóa chứa phlorotanin tảo biển | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 233. | | 62 - 67 | NGUYỄN HIỀN TRANG, TRẦN THỊ THU HÀ, LÊ THANH LONG, NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN, NGUYỄN CAO CƯỜNG | Ảnh hưởng của một số yếu tố lên hoạt độ xenulaza sinh tổng hợp bởi chủng Trichoderma longibrachiatum H18 và bước đầu ứng dụng trong sản xuất tiêu sọ | TS. Trần Thị Mai |
| 234. | Số 14 (269) | 67 - 71 | NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG | Ảnh hưởng của thời gian thủy phân đến một số đặc tính chức năng của sản phẩm thủy phân protein từ đầu cá ngừ mắt to | TS. Trần Thị Mai |
| 235. | | 72-80 | NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG, ĐỖ THỊ BÍCH THỦY | Định danh và khảo sát một số tính chất của vi khuẩn lactic phân lập từ ruột cá Cơm trắng | PGS.TS. Khuất Hữu Thanh |
| 236. | Số 15 (270) | 69-74 | NGUYỄN ĐỨC HOÀNG, NGUYỄN THÚY HƯƠNG | Nghiên cứu tạo chế phẩm Trichoderma viride bằng phương pháp lên men bán rắn bã khoai mì trong hệ thống thùng quay | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 237. | | 75-79 | KHUẤT HỮU THANH, ĐINH TẮT THẮNG | Nghiên cứu xử lý nước thải nhà máy chế biến mù cưa su bằng công nghệ Moving Bed | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |

| | | | | | |
|------|----------------|------------|---|---|-----------------------------|
| | | | | Biological Reactor (MBBR) và làm giàu vi sinh vật bằng chế phẩm vi sinh | |
| 238. | Số 16 (271) | 48 – 54 | HOÀNG THỊ LỆ HẰNG, HOÀNG THỊ TUYẾT MAI | Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm vi khuẩn <i>Lactobacillus bulgaricus</i> trong chế biến nước uống lên men lactic từ khoai lang tím giống Nhật Bản (Murasakimasari) | TS. Trần Thị Mai |
| 239. | | 62 -68 | NGUYỄN THU HỒNG, TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG DUNG, LÊ QUỲNH ANH, TÔN NỮ MINH NGUYỆT, TRẦN THỊ THU TRÀ, LÊ VĂN VIỆT MÃN | Vi bao dầu hạt chôm chôm (<i>Nephelium lappaceum</i> L.) với whey protein và hydrat – cacbon bằng phương pháp sấy phun | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 240. | | 69 – 75 | ĐỖ THỊ BÍCH THỦY, NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN | Khả năng lên men sữa đậu nành bởi một số chủng vi khuẩn lactic phân lập từ tôm chua và nem chua Huế | TS. Trần Thị Mai |
| 241. | | 76 – 83 | NGUYỄN HIỀN TRANG, LÊ THANH LONG, TRẦN THỊ THU HÀ | Nghiên cứu ảnh hưởng của chủng nấm mốc <i>Aspergillus niger</i> T2 đến quá trình bóc vỏ và chất lượng của sản phẩm tiêu sọ | TS. Trần Thị Mai |
| 242. | Số 17 (272) | 61 – 68 | NGUYỄN THỊ VÂN, BÙI TRẦN NỮ THANH VIỆT | Ảnh hưởng của độ chính thu hoạch và nhiệt độ bảo quản đến tính chất hóa lý và hoạt tính kháng oxy hóa của cà chua | TS. Hoàng Thị Lệ Hằng |
| 243. | | 69 – 73 | HUỲNH THỊ KIM CÚC, TẠ THỊ TỔ QUYÊN, NGUYỄN THỊ HOÀI TÂM, PHẠM QUÝ BẰNG | Khảo sát quá trình lên men axit axetic từ củ khoai lang tím | TS. Trần Thị Mai |
| 244. | | 74 – 84 | NGUYỄN THỊ NHƯ HÀ, TRƯƠNG THỊ MỘNG THU, TRẦN THỊ THANH HIỀN | Nâng cao chất lượng khô cá lóc (<i>Channa striata</i>) tẩm gia vị bằng cách bổ sung rượu và glycerin | TS. Trần Thị Dung |
| 245. | Số 18 (273) | 63 – 67 | ĐẶNG THỊ THANH QUYÊN, PHẠM ANH TUẤN | Tối ưu hóa quá trình sấy chè bằng phương pháp sấy bơm nhiệt để sản xuất matcha | PGS.TS. Lê Anh Đức |
| 246. | | 68 – 74 | TRỊNH KHÁNH SƠN | Nghiên cứu sự biến tính của tinh bột bắp qua xử lý bằng nitơ ở dạng plasma nguội ở áp khí quyển | PGS.TS. Nguyễn Duy Thịnh |
| 247. | | 75 – 79 | NGUYỄN THÚY HƯƠNG, NGUYỄN THỊ NAM PHƯƠNG | Tối ưu hóa một số điều kiện sấy phun tạo chế phẩm bacteriocin dạng bột có nguồn gốc từ vi khuẩn <i>Lactobacillus acidophilus</i> | PGS.TS. Lê Anh Đức |
| 248. | Số 19 (274) | 70 -77 | HOÀNG THỊ LỆ HẰNG, NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG | Nghiên cứu quy trình chế biến bột dinh dưỡng dùng cho người cao tuổi từ củ khoai lang tím Nhật Bản (giống Murasakimasari) | PGS.TS. Ngô Xuân Mạnh |
| 249. | | 78 – 85 | TRƯƠNG THỊ MỘNG THU, NGUYỄN THỊ NHƯ | Nghiên cứu ứng dụng enzym bromelain thô trong sản xuất mứt | TS. Đỗ Văn Nam |

| | | | | | |
|------|----------------|--------------|---|--|-----------------------------|
| | | | HIỀN | | |
| 250. | | 120 - 124 | NGÔ THI VÂN ANH, TRẦN LIÊN HÀ, PHÍ THANH MAI | Một số yếu tố ảnh hưởng đến vi khuẩn <i>Lactobacillus plantarum</i> S5 có khả năng lên men sản xuất axit lactic từ xelobioza | TS. Trần Thị Mai |
| 251. | Số 20 (275) | 32 - 38 | NGUYỄN VĂN HIẾU, NGHIÊM THỊ GIANG, NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN, NGUYỄN TIẾN DŨNG, PHAN THỊ HỒNG THẢO, ĐÀO THỊ HỒNG VÂN | Nghiên cứu thu nhận polisacarit từ nấm <i>Cordycep bifusispora</i> CPS 1 bằng phương pháp lên men | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |
| 252. | | 65 - 71 | NGUYỄN DUY LÂM, PHẠM ANH TUẤN | Tác động của xử lý nước nóng và ethanol tới nấm mốc xám <i>Botrytis</i> <i>cinerea</i> và chất lượng quả nho Ninh Thuận sau thu hoạch | TS. Hoàng Thị Lê Hằng |
| 253. | Số 21 (276) | 80 - 86 | NGUYỄN THỊ THỦY, NGUYỄN CÔNG HÀ | Nghiên cứu khả năng thủy phân protein tách chiết từ phụ phẩm cá tra (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) bằng enzyme trung tính (Neutralse) | PGS.TS. Nguyễn Duy Lâm |
| 254. | | 126 - 132 | TẠ THỊ PHƯƠNG HOA, NGÔ QUANG TRƯỜNG, VŨ HUY ĐẠI | Khả năng chống nấm mục của gỗ Gáo trắng và gỗ Trám trắng xử lý mDMDHEU | GS.TS. Hà Chu Chử |
| 255. | | 53 - 59 | ĐINH HỮU ĐÔNG, LÊ THỊ HỒNG ÁNH, CAO XUÂN THỦY | Nghiên cứu xác định nhiệt độ và vận tốc tác nhân sấy cho quá trình sấy rong nho theo phương pháp sấy bơm nhiệt kết hợp hồng ngoại | PGS.TS. Lê Anh Đức |
| 256. | Số 22 (277) | 60 - 65 | LÊ ANH ĐỨC, LÊ NGỌC SON | Xác định phương pháp sấy và chế độ sấy cối | GS.TSKH. Phạm Văn Lang |
| 257. | | 121 - 127 | LÝ TUẤN TRƯỜNG, TRẦN VĂN CHÚ | Ảnh hưởng của tỷ lệ bột giấy đến một số tính chất cơ lý của vật liệu composit xi măng bột giấy | PGS.TS. Hoàng Hữu Nguyên |
| 258. | | 128 - 134 | TẠ THỊ PHƯƠNG HOA | Ảnh hưởng của xử lý mDMHDEU đến tính ổn định kích thước của gỗ Gáo trắng và gỗ Trám trắng | GS.TS. Hà Chu Chử |
| 259. | Số 23 (278) | 87 - 91 | TRẦN PHÁN LINH, PHAN PHƯỚC HIỀN | Nghiên cứu quy trình phân đoạn và khả năng kháng khuẩn của các axit béo chuỗi trung bình từ dầu dừa nguyên chất | TS. Trần Thị Mai |
| 260. | Số 24 (279) | 44-51 | NGUYỄN XUÂN TRUNG, ĐINH VƯƠNG HÙNG, TRẦN NHƯ KHUYÊN, NGUYỄN THANH HẢI, NGÔ QUỐC HÙNG, TRẦN NHƯ KHÁNH | Mô phỏng bộ thu năng lượng mặt trời kiểu phối hợp sóng chữ V và phẳng trong thiết bị sấy cá com sử dụng năng lượng mặt trời | GS.TSKH. Phạm Văn Lang |
| 261. | | 105- 110 | VŨ THỊ NGOAN, TẠ THỊ PHƯƠNG HOA | Ảnh hưởng của xử lý mDMDHEU đến khả năng chống | GS.TS. Hà Chu Chử |

| | | | | | |
|---------------------|---------------------|--------------|--|--|-----------------------|
| | | | | nấm mốc của gỗ gáo trắng và gỗ trám trắng | |
| IV. THỦY SẢN | | | | | |
| 262. | Số 1 (256) | 49 - 57 | NGUYỄN VĂN HẢO, BÙI ĐÌNH ĐẶNG, NGUYỄN THỊ HIỀN | Mô tả loài mới <i>Channa cocnhayia</i> SP. N. trong nhóm cá Chanh đục thuộc giống <i>Channa</i> , họ Channidae ở Ninh Bình, Việt Nam | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 263. | | 79-85 | TRẦN QUỐC VIỆT, NGUYỄN HỒNG SƠN, ĐỖ PHƯƠNG CHI, NGUYỄN HUY MẠNH, ĐẶNG THỊ HOÀNG OANH | Nghiên cứu khả năng gây độc cấp tính và hội chứng gan tụy do cypermethrin gây ra đối với tôm sú và tôm thẻ chân trắng ở đồng bằng sông Cửu Long | TS. Hà Kỳ |
| 264. | | 86- 91 | NGUYỄN ĐỨC BÌNH, TRẦN VĂN DŨNG, PHẠM THỊ YẾN, PHAN THỊ VÂN, BÙI NGỌC THANH | Ảnh hưởng của nhiệt độ, độ mặn đến khả năng sống sót của ngao <i>Meretrix lyrata</i> | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 265. | | 92 - 97 | TRẦN THẾ MƯU, NGUYỄN HỮU NINH, ĐẶNG THỊ DIJU | Nghiên cứu ương nuôi cá nhụ bốn râu (<i>Eleutheronema tetradactylum</i>) từ cá bột lên cá hương | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 266. | | 104 - 111 | TRẦN ĐỨC PHÚ | Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp khai thác đến chất lượng cá ngừ đại dương ở Việt Nam | TS. Chu Tiến Vĩnh |
| 267. | Số 2 (257) | 87 - 94 | LÊ QUỐC VIỆT, TRẦN NGUYỄN DUY KHOA, TRẦN NGỌC HẢI, TRẦN THỊ THANH HIỀN | Sự chọn lựa thức ăn của cá dôi đất (<i>Liza subviridis</i>) ở giai đoạn cá bột | TS. Nguyễn Văn Sáng |
| 268. | | 95 - 100 | TRẦN THỊ THU HIỀN, HOÀNG VĂN DUẬT, NGUYỄN THANH DŨNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng enzym khác nhau trong thức ăn tổng hợp lên sinh trưởng, tỷ lệ sống, hệ số tiêu hóa của cá chình hoa (<i>Anguilla marmorata</i>) giai đoạn giống | PGS.TS Lê Thanh Tùng |
| 269. | Số 3+4 (258+259) | 169 - 177 | PHẠM THỊ THU HỒNG, TRƯƠNG HOÀNG MINH, DƯƠNG NHỰT LONG, NGUYỄN THANH PHƯƠNG | Phân tích khía cạnh kỹ thuật và tài chính chủ yếu trong nuôi cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) theo các hình thức tổ chức khác nhau | TS. Nguyễn Thanh Tùng |
| 270. | | 178- 185 | NGUYỄN THỊ KIM CÚC, NGUYỄN MAI ANH, PHẠM VIỆT CƯỜNG | Sử dụng probiotic trong nuôi trồng thủy sản | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 271. | | 186- 191 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN, KHƯƠNG VĂN THƯỜNG, NGUYỄN QUANG HUY | Ảnh hưởng của mật độ nuôi lên tăng trưởng và tỉ lệ sống của cá lăng chấm (<i>Hemibagrus guttatus</i> Lacépède, 1803) giai đoạn ương từ cá bột lên cá giống | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 272. | | 192- | CHÂU TÀI TẠO, TRẦN MINH PHÚ | Ảnh hưởng của độ kiềm lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng | TS. Phạm Anh Tuấn |

| | | | | | |
|------|---------------|--------------|---|---|-----------------------|
| | | | | và hậu ấu trùng tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) | |
| 273. | | 198 - 203 | NGUYỄN XUÂN THÀNH | Ảnh hưởng của độ mặn đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của ngao đầu (<i>Meretrix meretrix</i>) giai đoạn giống | TS. Võ Thế Dũng |
| 274. | Số 5 (260) | 67 - 75 | NGUYỄN HỒNG SƠN, ĐẶNG THỊ HOÀNG OANH. | Nghiên cứu khả năng gây độc mãn tính và hội chứng gan tụy của các thuốc bảo vệ thực vật nhóm Pyrethroid đối với tôm sú và tôm chân trắng ở đồng bằng sông Cửu Long | TS. Bùi Quang Tề |
| 275. | | 76 - 83 | VŨ THỊ HỒNG NGUYỄN, NGÔ SỸ VÂN, NGUYỄN ĐỨC TUẤN | Xác định tên loài của quần thể cá chim vây vàng nhập nội nuôi tại Việt Nam | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 276. | Số 6 (261) | 88 - 93 | NGÔ THỊ THU THẢO | Ảnh hưởng của chu kỳ thay nước đến tỷ lệ sống và sinh trưởng của ốc bươu đồng (<i>Pila Polita</i>) | TS. Phạm Công Dũng |
| 277. | | 94 - 100 | DƯƠNG THÚY YÊN, PHẠM THỊ TRANG NHUNG | Đa dạng di truyền của dòng cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudineus</i>) nuôi ở Hậu Giang | TS. Thái Thanh Bình |
| 278. | | 101 - 107 | NGUYỄN THỊ THOẢ, NGUYỄN THỊ THANH THÙY, NGUYỄN VĂN HÙNG | Bước đầu nghiên cứu một số bệnh thường gặp và biện pháp phòng trị trong ương nuôi ấu trùng của hoàng đế <i>Ranina ranina</i> (Linnaeus, 1758) | TS. Hà Ký |
| 279. | Số 7 (262) | 89 - 95 | NGUYỄN THANH LONG | Khía cạnh kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi lươn (<i>Monopterus albus</i>) ở tỉnh An Giang | TS. Nguyễn Thanh Tùng |
| 280. | | 96 - 101 | TRƯỜNG THỊ MỸ HẠNH, ĐẶNG THỊ LỰA, PHAN THỊ VÂN | Vai trò của vi rút (dịch lọc) đến hiện tượng sưng vôi trên tu hài (<i>Lutraria philippinarum</i> Reeve, 1854) nuôi trong điều kiện môi trường khác nhau | TS. Hà Ký |
| 281. | | 102 - 107 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN, TRẦN THẾ MƯU, VŨ THỊ THANH NGA, PHẠM QUỐC HÙNG | Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ mặn lên sự phát triển phôi và tỷ lệ nở của cá song lai (♂ cá song vua <i>Epinephelus lanceolatus</i> và cá song hồ ♀ <i>Epinephelus fuscoguttatus</i>) | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 282. | Số 8 (263) | 72 - 78 | CAO THỊ THANH HƯƠNG, PHẠM THỊ TÂM, NGUYỄN MẠNH HÙNG, NGUYỄN XUÂN VIẾT, VŨ THỊ BÍCH HUYỀN | Đặc tính sinh học của vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> phân lập từ cá biển mắc bệnh hoại tử gan thận | TS. Hà Ký |

| | | | | | |
|------|----------------|----------------|---|--|---|
| 283. | | 79 - 85 | DƯƠNG THÚY YÊN, HÀ HUY TÙNG, NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG | Đặc điểm hình thái và sự cong thân của cá rô (<i>Anabas testudineus</i> Bloch, 1792) theo giới gian nuôi | TS. Nguyễn Hữu Ninh |
| 284. | | 86 - 89 | NGUYỄN THANH LONG | Mô hình nuôi cá thát lát còm (<i>Chitala chitala</i> , Hamiton, 1822) trong vèo ở tỉnh Hậu Giang | TS. Võ Thế Dũng |
| 285. | | 90 - 96 | NGUYỄN HỒNG SON | Nghiên cứu khả năng gây độc cấp tính và hội chứng hoại tử gan tụy do thuốc clo hữu cơ gây ra đối với tôm sú <i>Penaeus monodon</i> và tôm chân trắng <i>Litopenaeus vannamei</i> ở đồng bằng sông Cửu Long | TS. Bùi Quang Tề |
| 286. | Số 9 (264) | 80 - 85 | NGUYỄN THỊ DUNG, VÕ QUÝ HOAN, NGUYỄN VĂN ĐÔNG, HOÀNG THỊ NHÀN, BÙI MẠNH HÙNG, TRẦN THỊ NẮNG THU | Nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn bổ sung mỡ cá tra và dầu đậu tương đến hàm lượng axit béo omega 3 của cá chép (<i>Cyprinus carpio</i>) | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 287. | | 86 - 92 | CHU ĐÌNH HIỀN, PHẠM VĂN TUYẾN | Giải pháp kỹ thuật quản lý khai thác nghề lưới rê ở huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh | TS. Chu Tiến Vĩnh |
| 288. | | 93 - 98 | CHÂU TÀI TẢO, LÝ MINH TRUNG, TRẦN NGỌC HẢI | Nghiên cứu ương giống tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) theo công nghệ biofloc ở các mức nước khác nhau | TS. Nguyễn Hữu Ninh |
| 289. | | 99 - 104 | NGUYỄN THỊ HÀ TRANG, NGUYỄN ĐẮC KIÊN, ĐẶNG THÚY BÌNH | Đặc điểm sinh học sinh sản ốc cối (<i>Conus textile</i> Linnaeus, 1758) ở vùng biển Khánh Hòa | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 290. | | 105 - 111 | VŨ THỊ THANH NGA, ĐÀO TẤN HỌC, TRẦN THỊ THÚY HÀ, NGUYỄN HỮU NINH | Ứng dụng chỉ thị phân tử trong duy trì phả hệ phục vụ các chương trình chọn giống thủy sản | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 291. | | Số 10 (265) | 103 - 109 | NGÔ THẾ AN | Đánh giá chỉ số ngư trại bền vững cho hệ thống đầm nuôi trồng thủy sản nước lợ huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định |
| 292. | Số 11 (266) | 92 - 97 | ĐẶNG THỊ LỰA, NGUYỄN THỊ HẠNH, HOÀNG HẢI HÀ, TRƯƠNG THỊ MỸ HẠNH, PHAN THỊ VÂN | Tác dụng diệt khuẩn in vitro của dịch chiết lá trà không (<i>Piper betle</i> L.) và dịch chiết lá ôi (<i>Psidium guajava</i>) đối với vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm nuôi nước lợ | TS. Hà Kỳ |
| 293. | Số 12 (267) | 90 - 94 | LÊ VĂN DÂN, TRẦN NGUYÊN NGỌC, NGUYỄN THỊ LÂN | Ảnh hưởng của độ mặn đến quá trình ấp trứng cá rô đầu vuông (<i>Anabas testudineus</i> Bloch, 1792) | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 294. | | 95 - 102 | NGUYỄN NGỌC TRUYỀN | Nghiên cứu các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong nuôi trồng thủy sản vùng đầm phá | PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi |

| | | | | | |
|------|-------------|-----------|---|---|---------------------------|
| | | | | Tam Giang, Thừa Thiên – Huế dựa vào cộng đồng | |
| 295. | | 103 - 111 | NGUYỄN TRỌNG LƯƠNG, TRẦN ĐỨC PHÚ, NGUYỄN PHI UY VŨ | Hiệu quả của mô hình chà kết hợp rạn nhân tạo nhằm phục hồi nguồn lợi thủy sản ven bờ ở huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam | TS. Chu Tiến Vinh |
| 296. | Số 13 (268) | 80 - 84 | VÕ THỂ DŨNG, DƯƠNG VĂN SANG, VÕ THỊ DUNG | Nuôi vồ cá mặt quỷ (<i>Synanceia verrucosa</i> Bloch & Schneider, 1801) trong bể nước chảy và nước tĩnh | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 297. | | 85 - 90 | CAO LỆ QUYÊN | Tác động của biến đổi khí hậu đến nuôi tôm nước lợ tại Thanh Hóa và giải pháp ứng phó | PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi |
| 298. | | 91 - 97 | HUỶNH KIM HƯỜNG, LÊ QUỐC VIỆT, ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG, TRẦN NGỌC HẢI | Thực nghiệm nuôi tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) trong vùng nước lợ tỉnh Trà Vinh | TS. Bùi Quang Tề |
| 299. | Số 14 (269) | 87 - 93 | NGUYỄN THÀNH NAM, HUỶNH QUANG HUY, NGUYỄN MINH QUANG, NGUYỄN XUÂN HUẤN. | Phân tích thực trạng nghề cá tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2001 - 2012 | TS. Chu Tiến Vinh |
| 300. | | 94 - 102 | PHẠM KIỀU DIỄM, HUỶNH PHƯỚC VINH, VŨ NGỌC ÚT. | Vòng đời và đặc điểm sinh sản của Copepoda <i>Apocyclops dengizicus</i> ở các điều kiện nhiệt độ khác nhau | TS. Hà Ký |
| 301. | | 103 - 109 | LÊ QUỐC VIỆT, TRẦN NGỌC HẢI | Phân tích khía cạnh kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm – rùng ở huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau | TS. Nguyễn Thanh Tùng |
| 302. | | 110 - 115 | CHÂU TÀI TẢO, TRẦN NGỌC HẢI, NGUYỄN THANH PHƯƠNG | Ảnh hưởng của độ kiềm lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) | TS. Bùi Quang Tề |
| 303. | | 98 - 103 | NGÔ THỊ THU THẢO. | Ảnh hưởng của việc cho ăn tảo lắng bằng các loại chất khác nhau đến kết quả ương giống sò huyết <i>Anadara granosa</i> | PGS.TS. Trần Thị Năng Thu |
| 304. | Số 15 (270) | 104 - 109 | HUỶNH HỮU NGÃI, NGUYỄN THANH NHÂN, NGUYỄN VĂN HẢO. | Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng và thức ăn ương nuôi cá bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>) trong giai đoạn từ một đến 30 ngày tuổi | TS. Phạm Tuấn Anh |
| 305. | | 110 - 116 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH. | Biến động sinh lượng và sự xuất hiện của một số loài rong lục và thực vật thủy sinh điển hình ở thủy vực nước lợ của tỉnh Bạc Liêu và Sóc Trăng | PGS.TS. Nguyễn Xuân Lý |
| 306. | Số 16 (271) | 95 - 103 | HOÀNG THỊ NGHIỆP | Dẫn liệu về tài nguyên lưỡng cư, bò sát ở vùng Tây Bắc tỉnh Cà Mau | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 307. | | 104 - | BÙI TRỌNG TÂM, NGUYỄN VĂN | Mật độ và sinh khối tảo <i>Nannochloropsis oculata</i> nuôi | PGS.TS. Nguyễn |

| | | | | | |
|------|----------------|--------------|---|--|------------------------------|
| | | | NGUYỄN, NGUYỄN VĂN THỎA, LÊ ANH TÙNG | theo mùa bằng hệ thống quang sinh policacbonat ở điều kiện tự nhiên | |
| 308. | | 109- 116 | NGUYỄN THU DUNG, ĐẶNG THỊ HOÀNG ANH | Xác định tác nhân gây bệnh xuất huyết trên cá bông kèo (<i>Pseudocryptes elongatus</i>) nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long | TS. Hà Ký |
| 309. | Số 17 (272) | 100 - 104 | ĐẶNG THÚY BÌNH, NGUYỄN THỊ ANH THƯ, NGUYỄN THỊ XUÂN DIỆU. ĐẶNG THÚY BÌNH, NGUYỄN THỊ ANH THƯ, NGUYỄN THỊ XUÂN DIỆU. | Xác định chủng loại ỏ- conotoxin của ba loài ốc cối ở Nha Trang dựa vào đa hình trình tự các peptide trong tuyến độc của chúng | TS. Lê Quang Trung |
| 310. | | 105 - 109 | TRẦN ĐỨC HẬU, NGUYỄN HÀ MY, NGUYỄN THỊ THỊNH. | Phân bố ấu trùng và cá con loài cá Đục bạc (<i>Sillago sihama</i>) ở cửa sông Tiên Yên, Quảng Ninh, Việt Nam | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 311. | Số 18 (273) | 99 - 107 | NGUYỄN VĂN HẢO, ĐỖ VĂN THỊNH, NGUYỄN THỊ HẠNH TIÊN, NGUYỄN THỊ DIỆU PHƯƠNG. | Mô tả ba loài cá mới thuộc giống <i>Spinibarbus</i> (họ Cyprinidae, bộ Cypriniformes) được phát hiện ở tỉnh Quảng Trị | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 312. | | 108 - 114 | NGUYỄN ĐỨC TUẤN, VŨ THỊ THANH NGÀ, TRẦN THỂ MƯU, PHẠM QUỐC HÙNG. | Ảnh hưởng của một số thức ăn tươi sống đến tỷ lệ sống và sinh trưởng của cá Song lai (♂ cá Song vua <i>Epinephelus lanceolatus</i> và ♀ cá Song hổ <i>Epinephelus</i> <i>fuscoguttatus</i>) từ giai đoạn cá bột lên cá hương | PGS.TS. Trần Thị Năng Thu |
| 313. | | 115 - 119 | NGÔ PHÚ THỎA, MAI VĂN NGUYỄN, PHẠM NGỌC TUYẾN, NGUYỄN HỮU NINH. | Ước tính thông số di truyền của quần đàn rô phi vằn (<i>Oreochromis</i> <i>niloticus</i>) qua 6 thế hệ chọn giống sinh trưởng nhanh trong điều kiện nước lợ mặn | TS. Phạm Anh Tuần |
| 314. | Số 19 (274) | 107- 112 | VŨ KHẮC HÙNG, DƯƠNG VĂN QUÝ BÌNH, NGUYỄN THỊ THU GIANG, TRỊNH THỊ THU HẰNG, DƯƠNG BÁ THANH DÂN | Vi khuẩn <i>Nocardia</i> sp. gây bệnh đốm trắng ở cá chim vây vàng (<i>Trachinotus Blochii</i>) nuôi thương phẩm tại một số tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ | TS. Võ Thế Dũng |
| 315. | | 113 - 119 | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH. | Ảnh hưởng của việc thay thế protein bột cá bằng protein rong bún (<i>Enteromorpha</i> sp.) trong thức ăn cho cá rô phi (<i>Oreochromis niloticus</i>) | PGS.TS. Trần Thị Năng Thu |
| 316. | Số 20 (275) | 82 - 88 | ĐẶNG THỊ LỰA, PHAN THỊ VÂN | Ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh động vật thủy sản và phát triển vắc - xin dùng trong thủy sản: Thực trạng và đề xuất giải pháp | PGS.TS. Nguyễn Viết Không |
| 317. | | 96 - | NGÔ HỮU TOÀN, DƯƠNG NGỌC ÁI. | Ảnh hưởng của thức ăn bổ sung <i>Allzyme</i> SSF đến tốc độ sinh | TS. Phạm Anh |

| | | | | | |
|--------------------|-------------|-----------|---|--|---------------------------|
| | | | | trường và chất lượng tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i> Boone, 1931) | |
| 318. | | 104 - 110 | ĐÀO THỊ THANH THỦY | Hiện trạng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm hùm tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên | PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi |
| 319. | | 111 - 116 | PHAN PHƯƠNG LOAN, BÙI MINH TÂM, PHẠM THANH LIÊM | Ảnh hưởng của các loại hoóc môn steroid lên quá trình chín của noãn bào cá rô biển <i>Pristolepis fasciata</i> (Bleeker, 1851) | TS. Nguyễn Quang Hùng |
| 320. | Số 21 (276) | 88 - 93 | NGUYỄN VĂN HẢO, NGÔ SỸ VÂN, NGUYỄN THỊ DIỆU PHƯƠNG. | Mô tả một loài cá mới trong giống <i>Anabas Cloquest</i> , 1816 được phát hiện ở Ninh Bình | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 321. | | 95 - 100 | PHAN ĐỨC NGẠI, VÕ SỸ TUẤN, NGUYỄN VĂN LONG. | Đặc trưng và hiện trạng khai thác nguồn lợi động vật đáy đầm thủy triều, Việt Nam | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 322. | Số 22 (277) | 99 - 106 | TRẦN QUANG KHÁNH VÂN, HUỖNH VĂN VÌ, HUỖNH NGỌC LINH. | Tuyển chọn các chủng <i>Lactobacillus</i> kháng <i>Aeromonas</i> gây bệnh đốm đỏ trên cá trắm cỏ ở Thừa Thiên – Huế | TS. Bùi Quang Tề |
| 323. | | 107 - 113 | THÁI THANH BÌNH, ĐÌNH QUANG THUẬN, TRẦN THỊ TRANG | Phân loại tu hài (<i>Lutraria</i> sp) ở Việt Nam bằng trình tự ADN vùng gen 16S | TS. Nguyễn Hữu Ninh |
| 324. | | 114 - 120 | VÕ VĂN NHA | Hội chứng gan tụy ở tôm nuôi nước lợ – dấu hiệu và yếu tố nguy cơ | TS. Hà Ký |
| 325. | Số 23 (278) | 97 - 102 | CHÂU TÀI TẢO | Ảnh hưởng của độ kiềm đến tăng trưởng, tỷ lệ sống và chất lượng của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm sú | TS. Nguyễn Văn Sáng |
| 326. | | 103 - 110 | TRẦN VĂN THANH, MAI CÔNG NHUẬN, VÕ TRỌNG THẮNG, NGUYỄN VĂN GIANG, TRẦN NHẬT ANH | Đặc điểm nguồn lợi họ cá mối (<i>Synodontidae</i>) ở biển Việt Nam dựa trên kết quả điều tra nguồn lợi bằng lưới kéo đáy. | TS. Chu Tiến Vĩnh |
| 327. | Số 24 (279) | 60-65 | NGUYỄN THUẬN ANH, PHAN THỊ THANH HIỀN | Hàm lượng kim loại nặng trong hải sản ở Khánh Hòa | TS. Đỗ Văn Nam |
| 328. | | 66-71 | NGÔ VĨNH HẠNH, NGUYỄN HỮU NINH | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản cá rô biển (<i>Lobotes surinamensis</i> Bloch 1790) trong điều kiện nuôi | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 329. | | 72-78 | BÙI THỊ THANH TUYỀN, NGUYỄN THỊ TÍM, LÊ HOÀNG QUÝ | Nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của lươn đồng (<i>Monopterus albus</i>) | PGS.TS. Trần Thị Năng Thu |
| V. THỦY LỢI | | | | | |
| 330. | Số 1 (256) | 98-103 | ĐỒNG KIM HẠNH | Cát nghiên dùng trong bê tông tại công trình thủy điện Lai Châu | GS.TS. Trương Đình Dụ |

| | | | | | |
|------|---------------------|--------------|--|---|--------------------------|
| 331. | Số 2 (257) | 68-72 | ĐÀO NGUYỄN KHÔI, CHÂU NGUYỄN XUÂN QUANG | Sử dụng chỉ số giáng thủy chuẩn (SPI) đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk | PGS.TS. Mai Văn Trịnh |
| 332. | | 73-80 | NGUYỄN PHÚ QUỲNH, ĐỖ ĐẮC HẢI | Nghiên cứu biến động hình thái lòng dẫn trước và sau khi xây dựng tuyến đê biển vịnh Rạch Giá - Kiên Giang | PGS.TS. Nguyễn Thống |
| 333. | Số 3+4 (258+259) | 124 - 130 | VÕ ĐÌNH LONG, HUỲNH LÊ TIẾN, VÕ ĐỨC QUÝ | Nghiên cứu đánh giá chất lượng nước mặt tỉnh Cà Mau | PGS.TS. Lê Đức |
| 334. | | 131 - 137 | LÊ CẢNH DŨNG, VÕ VĂN TUẤN, PHẠM THỊ NGUYỄN | Hạn chế và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long | PGS.TS. Nguyễn Thế Quảng |
| 335. | | 138 - 145 | TRỊNH THỊ LONG, DƯƠNG CÔNG CHINH, VŨ NGUYỄN HOÀNG GIANG | Tiềm năng tác động của tuyến đê biển ở vịnh Rạch Giá đến rừng ngập mặn ven biển của tỉnh Kiên Giang | PGS.TS. Lương Văn Thanh |
| 336. | | 146- 151 | BÙI NAM SÁCH | Nghiên cứu khả năng điều tiết các hồ chứa Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà và Tuyên Quang cấp nước cho đồng bằng sông Hồng trong mùa kiệt | TS. Lê Hùng Nam |
| 337. | Số 7 (262) | 56-64 | LƯƠNG VĂN THANH, PHẠM VĂN TÙNG | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cấp nước sinh hoạt cho đảo Hòn Tre tỉnh Kiên Giang | GS.TS. Lê Sâm |
| 338. | Số 8 (263) | 65-71 | CHÂU NGUYỄN XUÂN QUANG | Phân tích xu thế mực nước lớn nhất năm vùng hạ du lưu vực sông Đồng Nai – Sài Gòn | PGS.TS. Đỗ Tiến Lanh |
| 339. | Số 9 (264) | 73-79 | BÙI NAM SÁCH | Nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng, chống lũ hệ thống sông Đáy | PGS.TS. Lê Quang Vinh |
| 340. | Số 10 (265) | 95- 102 | BÙI NAM SÁCH | Nghiên cứu cơ sở khoa học trong xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa Đá Bàn, Suối Trầu, Ea Krông Rou trong mùa lũ trên lưu vực sông Dinh Ninh Hòa | TS. Lê Hùng Nam |
| 341. | Số 11 (266) | 98- 106 | NGUYỄN THANH HẢI | Nghiên cứu xây dựng công thức tính lưu lượng qua tràn piano | GS.TS. Trương Đình Dụ |
| 342. | Số 18 (273) | 49-56 | LƯU VĂN QUÂN, TRẦN VIỆT ỒN | Ứng dụng phương pháp xác định vị trí kết nối với hệ thống kênh và quy mô hợp lý của hồ điều hòa để tính toán cho lưu vực điển hình: Hệ thống tiêu phía tây Hà Nội | PGS.TS. Hà Lương Thuận |
| 343. | Số 21 (276) | 72-79 | HỒ VIỆT CƯỜNG, LÊ HẠNH CHI, TRẦN VĂN BÁCH | Nghiên cứu hướng lan truyền và phân bố độ đục ở vùng ven biển Đồ Sơn – Hải Phòng bằng phương | TS. Lê Hùng Nam |

| | | | | | |
|-----------------------|---------------------|---------|---|---|-----------------------------|
| | | | | pháp phân tích ảnh viễn thám | |
| 344. | Số 22 | 66-72 | NGUYỄN VĂN THIẾT, BÙI THỊ PHƯƠNG LOAN, MAI VĂN TRINH | Tính toán lượng nước tưới và xây dựng bản đồ nhu cầu nước cho lúa, ngô, lạc, đậu tương vụ xuân vùng đồng bằng sông Hồng | PGS.TS. Nguyễn Văn Dung |
| 345. | (277) | 73-82 | PHẠM NGỌC, TÔ VĂN THANH | Đánh giá thành tựu và tồn tại của hệ thống kiểm soát lũ vùng Tứ Giác Long Xuyên sau hơn 15 năm vận hành | GS.TS. Tăng Đức Thắng |
| 346. | Số 24 (279) | 37-43 | NGUYỄN THỊ THU HÀ, ĐÀO NGUYỄN KHÔI, ĐÌNH QUỐC TỨC | Đánh giá diễn biến xâm nhập mặn dưới tác động của biến đổi khí hậu ở thành phố Hội An | PGS.TS. Mai Văn Trinh |
| VI. LÂM NGHIỆP | | | | | |
| 347. | Số 1 (256) | 112-117 | NGUYỄN HỮU NGŨ, PHAN THỊ PHƯƠNG NHI | Quản lý tài nguyên rừng dựa vào cộng đồng ở miền Trung Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp tại xã Hương Giang, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên – Huế | TS. Đoàn Hoài Nam |
| 348. | | 118-123 | NGUYỄN ĐẮC TRIỂN, NGÔ THẾ LONG, BÙI THẾ ĐÔI | Ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái đến tái sinh dưới tán rừng lá rộng thường xanh Vườn Quốc gia Xuân Sơn | PGS.TS. Võ Đại Hải |
| 349. | | 124-128 | VŨ TIẾN HUNG, VŨ THẾ HỒNG, NGUYỄN MINH THANH, HOÀNG VĂN HOÀNG | Nghiên cứu một số đặc điểm của tỷ lệ sinh khối khô/ sinh khối tươi cây gỗ rừng tự nhiên lá rộng thường xanh ở Việt Nam | PGS.TS. Hoàng Kim Ngũ |
| 350. | | 129-134 | KIỀU TUẤN ĐẠT, PHẠM THẾ DŨNG | Ảnh hưởng của vật liệu hữu cơ để lại sau khai thác đến năng suất rừng trồng keo lá tràm (A.auriculiformis) qua các chu kỳ kinh doanh tại Phú Bình, Bình Dương | TS. Đỗ Anh Tuấn |
| 351. | Số 2 (257) | 107-115 | NGUYỄN LÂN HÙNG SƠN, TRƯƠNG QUỐC ĐẠY, BÙI VĂN TUẤN | Đa dạng thành phần loài chim ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng | TS. Nguyễn Cử |
| 352. | | 116-122 | NGUYỄN MINH THANH, LÊ VĂN CƯỜNG | Đặc điểm của đất dưới một số trạng thái thảm thực vật tại Do Nhân, Tân Lạc, Hòa Bình | TS. Bùi Huy Hiền |
| 353. | | 123-132 | PHẠM VĂN ĐIỀN, NGUYỄN THỊ THU HOÀN | Phân loại tiềm năng phục hồi rừng trên đất sau canh tác nương rẫy tại lưu vực sông Cầu, tỉnh Bắc Kạn | PGS.TS. Võ Đại Hải |
| 354. | Số 3+4 (258+259) | 204-211 | BẢO HUY | Lập bản đồ phân cấp thích nghi cây tếch (Tectona grandis L.f.) để làm giàu rừng khộp tỉnh Đắk Lắk | GS.TS. Võ Đại Hải |
| 355. | | 212-221 | ĐỒNG THANH HẢI | Dẫn liệu mới về đa dạng thành phần loài thú tại Khu Bảo tồn Loài và Sinh cảnh Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái | PGS.TS. Nguyễn Lân Hùng Sơn |
| 356. | | 222-225 | NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG, LÊ NGUYỄN | Thành phần thức ăn của cóc mắt đen (Xenobryas major) tại Vườn | TS. Vũ Tiến Thịnh |

| | | | | | |
|------|---------------|---------|---|---|----------------------------|
| | | | | Phúc | |
| 357. | | 226-232 | NGUYỄN THẾ CƯỜNG, ĐỒNG THANH HẢI | Nghiên cứu mối quan hệ giữa đặc điểm sinh cảnh và phân bố của loài Vượn Cao Vít (<i>Nomascus nasutus</i> Kunckel d'Herculeis, 1884) tại Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Vượn Cao Vít tỉnh Cao Bằng | PGS.TS. Trần Minh Hợi |
| 358. | | 233-236 | TRẦN NGỌC HẢI | Đặc điểm giải phẫu và sinh lý loài củ dờm | PGS.TS. Trần Minh Hợi |
| 359. | | 250-256 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN, TRẦN THỊ THU HÀ | Xây dựng mô hình quá trình chết, tái sinh bổ sung, chuyên cấp cho rừng tự nhiên ở Vườn Quốc gia Vũ Quang và đề xuất ứng dụng | PGS.TS. Trần Văn Con |
| 360. | | 108-112 | NGUYỄN NGHĨA BIÊN | Độ che phủ rừng ở Việt Nam: Từ quan niệm đến thực tiễn | GS.TS. Võ Đại Hải |
| 361. | Số 5 (260) | 123-130 | HÀ VĂN HUÂN, NGUYỄN VĂN PHONG | Xác định đoạn mã vạch ADN cho Trà hoa vàng Tam Đảo (<i>Camellia tamdaoensis</i>): loài cây đặc hữu của Việt Nam | PGS.TS. Nguyễn Văn Đồng |
| 362. | | 131-136 | LÊ VĂN TUẤT, NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG | Nghiên cứu khả năng giữ nước của tán lá ở rừng trồng tại tỉnh Bắc Kạn | PGS.TS. Ngô Đình Quế |
| 363. | | 108-113 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH, BÙI THỊ THU TRANG, BÙI THU HUYỀN | Nghiên cứu định lượng các – bon trong rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng ở xã Giao Lạc, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định | PGS.TS. Ngô Đình Quế |
| 364. | Số 6 (261) | 120-123 | TRẦN NAM HẢI, NGUYỄN LÂN HÙNG SƠN | Sự phân bố và vai trò chỉ thị sinh thái của bướm ngày (<i>Lepidoptera: Rhopalocera</i>) ở Trạm Đa dạng Sinh học Mê Linh, Vĩnh Phúc | TS. Nguyễn Thị Phương Liên |
| 365. | | 124-130 | TRIỆU THỊ THU HÀ, CẦN THỊ LAN | Nghiên cứu nhân giống bạch đàn lai UP (<i>Eucalyptus pellita</i> x <i>Eucalyptus urophylla</i>) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào | TS. Hà Văn Huân |
| 366. | Số 7 (262) | 108-113 | NGUYỄN THANH VÂN, NGUYỄN LÂN HÙNG SƠN, LÊ TRUNG DŨNG | Bộ sưu tập mẫu vật lưỡng cư, bò sát ở Bảo tàng Thiên nhiên Vườn Quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ và định hướng quản lý, bảo tồn, phát triển | GS.TS. Mai Đình Yên |
| 367. | | 114-120 | NGUYỄN TRỌNG BÌNH | Những hàm ước lượng sinh khối đối với những cây gỗ thuộc rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới ở Công ty Lâm nghiệp Long Đại tỉnh Quảng Bình | TS. Phạm Ngọc Giao |
| 368. | Số 8 (263) | 97-102 | NGUYỄN TRỌNG BÌNH | Kết cấu loài, cấu trúc và tái sinh tự nhiên của rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới ở Công ty Lâm nghiệp Long Đại, tỉnh Quảng Bình | TS. Hoàng Văn Thắng |
| 369. | | 103-109 | NGÔ VĂN TÚ, NGUYỄN DUY CHUYỀN | Khả năng phân biệt trạng thái rừng trên ảnh vệ tinh SPOT - 5 | PGS.TS. Trần Quang Bảo |

| | | | | | |
|------|----------------|---------|--|--|-------------------------|
| 370. | | 110-116 | ĐẶNG THÁI DƯƠNG | Đánh giá khả năng thích ứng, sinh trưởng và sinh khối của các dòng keo lá liềm (<i>Acacia crassicarpa</i>) trồng trên vùng đất cát ven biển Bắc Trung bộ | PGS.TS. Bùi Thế Đồi |
| 371. | Số 9 (264) | 112-116 | ĐÀO DUY TRINH | Thành phần và cấu trúc quần xã ve giáp (Acari: Oribatida) ở sinh cảnh vườn quanh nhà, đất canh tác và trồng cỏ cây bụi Vườn Quốc gia Tam Đảo | TS. Nguyễn Thị Thu Anh |
| 372. | | 117-122 | LÊ VĂN TUẤT, NGUYỄN THỊ THÚY HƯƠNG, NGUYỄN KIM TRUNG | Nghiên cứu đặc điểm dòng chảy mặt dưới rừng trồng tại tỉnh Bắc Kạn | PGS.TS. Ngô Đình Quế |
| 373. | Số 10 (265) | 110-118 | ĐỖ ANH TUÂN | Đặc điểm ánh sáng và tái sinh lỗ trống ở rừng thứ sinh lá rộng thường xanh tại Lục Ngạn, Bắc Giang | PGS.TS. Trần Văn Con |
| 374. | | 119-123 | NGUYỄN TRỌNG BÌNH, ĐỖ ANH TUÂN | Lập địa và vùng trồng thích hợp loài bách tán Đài Loan (<i>Taiwania cryptomerioides Hayata</i>) tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hoàng Liên, Văn Bàn, Lào Cai | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 375. | Số 11 (266) | 115-118 | NGUYỄN THỊ QUYÊN, VŨ THỊ LIÊN, NGUYỄN VĂN SINH | Đa dạng thực vật bậc cao có mạch trong một số trạng thái thảm thực vật phục hồi tự nhiên tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng |
| 376. | | 132-138 | HOÀNG VŨ THƠ | Đánh giá đa dạng di truyền quần thể thông mã vĩ (<i>Pinus massoniana</i> L.) tại khu vực núi Luốt | TS. Trần Hồ Quang |
| 377. | | 139-144 | ĐỖ ANH TUÂN | Ảnh hưởng của độ tàn che và phân bón đến sinh trưởng và sản lượng quả sâm Ngọc Linh (<i>Panax vietnamensis</i> Ha et Grushv) ở Kon Tum | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 378. | Số 12 (267) | 112-120 | PHẠM CƯỜNG | Đánh giá thực trạng gây trồng và hiệu quả kinh tế rừng trồng Bời lời đỏ (<i>Machilus odoratissima</i> Nees) ở huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị | PGS.TS. Lê Trọng Hùng |
| 379. | | 121-126 | ĐẶNG THÁI DƯƠNG, NGÔ TÙNG ĐỨC | Kết quả nghiên cứu mùa vụ, tuổi cây con và kỹ thuật chăm sóc rừng trồng keo lá liềm (<i>Acacia crassicarpa</i>) trên vùng đất cát ven biển Nam Trung bộ | PGS.TS. Triệu Văn Hùng |
| 380. | | 127-135 | NGUYỄN HUY HOÀNG, LƯƠNG CHÍNH KẾ | Đánh giá tác động của công tác hiệu chỉnh và chuẩn hóa bức xạ phổ ảnh vệ tinh quang học do chênh cao địa hình và yếu tố đa thời gian trong nghiên cứu biến động lớp phủ bề mặt | PGS.TS. Trần Quang Bảo |

| | | | | | |
|------|-------------|---------|--|---|-----------------------------|
| 381. | | 136-142 | VŨ XUÂN ĐỊNH, ĐỖ THỊ HƯỜNG | Ứng dụng GIS trong phân tích đa tiêu chí để xác định ranh giới khu bảo tồn tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam | PGS.TS. Nguyễn Lâm Hùng Sơn |
| 382. | | 143-146 | NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG, BÙI THỊ DUNG | Thành phần kí sinh trùng trên cóc mắt bên <i>Xenophrys major</i> (Boulenger, 1908) tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc | PGS.TS. Nguyễn Lâm Hùng Sơn |
| 383. | Số 13 (268) | 121-128 | LÊ SỸ HỒNG, LÊ SỸ TRUNG | Một số đặc điểm lâm học của cây Phay (<i>Duabanga grandis</i> flora Roxb.ex DC) tại tỉnh Bắc Kạn | TS. Cao Đình Sơn |
| 384. | | 129-135 | LÊ ĐỨC THẮNG, PHẠM TUẤN TÙNG, NGUYỄN ĐẮC BÌNH MINH, PHẠM VĂN NGÂN, LÊ TẮT KHƯƠNG | Nghiên cứu sinh trưởng và khả năng cải tạo đất của rừng bản chua (<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engl) 5 tuổi trồng trên lập địa khó khăn tại vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh | TS. Cao Đình Sơn |
| 385. | | 136-142 | VŨ XUÂN ĐỊNH, ĐỖ THỊ HƯỜNG | Xây dựng công cụ nhập độ cao tự động và chuẩn hóa đường đồng mức trong MapInfo | TS. Nguyễn Thanh Hoàn |
| 386. | Số 14 (269) | 116-123 | HOÀNG DƯƠNG XÔ VIỆT, HỒ THANH HÀ | Chứng chỉ rừng – Hiện trạng và lợi ích: Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Quảng Bình và Thừa Thiên – Huế | TS. Đỗ Anh Tuấn |
| 387. | | 124-131 | NGUYỄN HỒNG HẢI, PHẠM VĂN ĐIỀN, ĐỖ ANH TUÂN | Mô hình điểm không gian dựa trên đặc trưng về khoảng cách và đường kính của cây rừng | GS.TS. Võ Đại Hải |
| 388. | | 132-136 | LÊ XUÂN TRƯỜNG, THÁI VĂN THÀNH | Nghiên cứu một số đặc điểm lâm học và khả năng tái sinh của lâm phần Trâm bầu (<i>Copmbretaceae quadrangulare</i> Kurz) trên vùng cát ven biển tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 389. | | 137-142 | LÊ SỸ HỒNG | Ảnh hưởng của dinh dưỡng khoáng và chế độ tưới nước đến sinh trưởng của cây Phay (<i>Duabanga grandis</i> flora Roxb.ex DC) trong giai đoạn vườn ươm | PGS.TS. Đặng Thái Dương |
| 390. | Số 15 (270) | 117-122 | ĐÀO DUY TRINH, NGUYỄN THỊ HẢI YẾN | Thành phần và cấu trúc quần xã Ve Giáp (Acari: Oribatida) ở Khu du lịch Khoang Xanh – Suối Tiên, xã Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội | TS. Nguyễn Thị Thu Anh |
| 391. | | 123-131 | NGÔ VĂN TÚ, PHẠM TUẤN ANH, NGUYỄN HỮU ĐỨC | Cập nhật bản đồ hiện trạng rừng dựa trên ảnh vệ tinh độ phân giải trung bình | TS. Phạm Mạnh Cường |
| 392. | | 132-141 | LÃ NGUYỄN KHANG, TRẦN QUANG BẢO | Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế – xã hội đến mất rừng, suy thoái rừng và đề xuất các giải pháp thực thi REDD + tại tỉnh Điện Biên | TS. Lưu Cảnh Trung |
| 393. | | 142-148 | LÊ VĂN PHÚC | Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc quần thể loài Thiết sam giả lá ngắn (<i>Pseudotsuga brevifolia</i> W.C Cheng & L .K. FU, 1975) tại tỉnh | GS.TS. Võ Đại Hải |

| | | | | | |
|------|----------------|-----------|--|---|-----------------------------|
| | | | | Hà Giang | |
| 394. | Số 16 (271) | 117-123 | NGUYỄN TUẤN BÌNH | Đa dạng loài cây gỗ của một số ưu hợp thực vật thuộc rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới ở khu vực Mã Đà thuộc tỉnh Đồng Nai | TS. Đỗ Thị Xuyên |
| 395. | | 124-129 | TRỊNH MINH HOÀNG | Những hệ số điều chỉnh sinh khối đối với cây gỗ của rừng kín thường xanh bán khô hạn nhiệt đới ở Phước Bình tỉnh Ninh Thuận | TS. Đỗ Anh Tuấn |
| 396. | | 130-135 | TRẦN VĂN ĐÔ, TRẦN QUANG TRUNG, NGUYỄN TOÀN THẮNG, ĐẶNG VĂN THUYẾT, TRẦN HOÀNG QUÝ, HOÀNG THANH SƠN | Nghiên cứu xác định tổng sinh khối quang hợp cho rừng tự nhiên lá rộng thường xanh tại Sơn La | PGS.TS. Bùi Thế Đồi |
| 397. | | 136-140 | PHẠM THỊ KIM DUNG, LƯU QUANG VINH, NGUYỄN QUẢNG TRƯỜNG | Thành phần loài bò sát của Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kim Hỷ, tỉnh Bắc Kạn | PGS.TS. Nguyễn Lâm Hùng Sơn |
| 398. | Số 17 (272) | 110 - 118 | VÕ NGUỒN THẢO, TRƯƠNG THỊ ANH | Năng suất vật rụng rừng ngập mặn tại cồn Ông Trang, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau | TS. Đỗ Anh Tuấn |
| 399. | | 119-126 | PHẠM QUANG NAM, NGUYỄN MINH CHÍ, PHẠM QUANG THU | Đánh giá ảnh hưởng của phân vi sinh MF1 đến sinh trưởng và kháng bệnh hại keo tai tượng và keo lá tràm trong giai đoạn vườn ươm | TS. Bùi Huy Hiền |
| 400. | | 127-134 | TRẦN TRUNG THÀNH | Đánh giá khả năng phòng hộ của một số mô hình rừng trồng thuộc khu vực xung yếu ven hồ sông Đà tỉnh Hòa Bình | PGS.TS. Phùng Văn Khoa |
| 401. | | 135-142 | NGUYỄN MINH THANH, PHAN THỊ THƠ | Một số đặc điểm về cấu trúc và chất lượng của rừng tự nhiên là rừng sản xuất tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | TS. Nguyễn Tuấn Hưng |
| 402. | | 143-146 | TRẦN NGỌC HẢI, NGUYỄN THỊ NHƯ ANH | Đặc điểm giải phẫu và sinh lý loài Hoàng tinh hoa trắng (<i>Disporopsis longifolia</i> Craib) | TS. Nguyễn Thị Xuyên |
| 403. | Số 18 (273) | 120-126 | HÀ THỊ MỪNG, ĐỖ THỊ KIM NHUNG, PHÙNG VĂN KHEN | Ảnh hưởng của tỷ lệ che bóng đến sinh trưởng và một số chỉ tiêu sinh lý của cây cóc hành (<i>Azadirachta excelsa</i> Jack) Jacob) ở giai đoạn vườn ươm | GS.TS. Nguyễn Xuân Quát |
| 404. | | 127-133 | LÊ XUÂN TRƯỜNG, TRƯƠNG QUANG CUỒNG | Nghiên cứu đặc điểm tái sinh tự nhiên của thông hai lá dẹt (<i>Pinus krempfii</i>) tại Vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà, tỉnh Lâm Đồng | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 405. | | 134-139 | NGUYỄN TOÀN THẮNG, PHẠM VĂN VINH, LÊ XUÂN TRƯỜNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của các phương pháp xử lý và bảo quản hạt đến tỷ lệ nảy mầm ở hạt Dẻ anh (<i>Castanopsis piriformis</i> Hickel et Camus) | GS.TS. Lê Đình Khả |

| | | | | | |
|------|-------------|---------|--|---|-------------------------|
| 406. | | 140-146 | LÊ VĂN PHÚC | Nghiên cứu đặc điểm tái sinh của loài Thiết sam giả lá ngắn (<i>Pseudotsuga brevifolia</i> W.C Cheng & L.K.Fu, 1975) tại tỉnh Hà Giang | PGS.TS. Trần Văn Con |
| 407. | Số 19 (274) | 125-131 | VŨ THU HƯƠNG, NGUYỄN VĂN TUẤN, DƯƠNG VĂN HIỆU | Liên kết trong chuỗi cung ứng cây giống trồng rừng sản xuất tỉnh Đồng Nai | PGS.TS. Lê Trọng Hùng |
| 408. | | 132-137 | TRẦN VĂN CON, NGUYỄN TOÀN THẮNG, VŨ TIẾN LÂM, TRẦN HOÀNG QUÝ | Ảnh hưởng của kỹ thuật ghép đến tỷ lệ sống và sinh trưởng chồi ghép loài Dẻ anh (<i>Castanopsis piriformis</i> Hickel & A.Camus) | GS.TS. Nguyễn Xuân Quát |
| 409. | | 138-144 | LÊ ANH HÙNG | Phân cấp phòng hộ cho các loại hình sử dụng đất lâm nông nghiệp vùng đồi núi lưu vực sông Thu Bồn | TS. Nguyễn Minh Thanh |
| 410. | Số 20 (275) | 117-121 | ĐINH VIỆT HÙNG, ĐOÀN THỊ HOA, NGUYỄN TỬ KIM | . Nghiên cứu mối tương quan giữa độ rộng vòng năm của cây thông nhựa (<i>Pinus merkusii</i>) và yếu tố nhiệt độ ở tỉnh Quảng Bình | TS. Nguyễn Trọng Bình |
| 411. | | 122-128 | NGUYỄN VĂN THỊ, TRẦN QUANG BẢO, VŨ TIẾN THỊNH | Nghiên cứu sử dụng tư liệu ảnh ra - đa ALOS PALSAR để xác định trữ lượng gỗ rừng khộp ở xã Krông Na – huyện Buôn Đôn – tỉnh Đắk Lắk | TS. Phạm Mạnh Cường |
| 412. | | 129-133 | TRẦN NGỌC HẢI | Một số đặc điểm sinh vật học loài Lùng (<i>Bambusa longissima</i>) | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 413. | | 134-139 | PHẠM QUANG THU, VŨ VĂN ĐÌNH, LÊ THỊ XUÂN, NGUYỄN VĂN THÀNH | Đặc điểm sinh học của nấm (<i>Collectotrichum gloeosporioides</i>) gây bệnh khô cành ngọn keo tai tượng (<i>Acacia mangium</i>) ở miền Bắc Việt Nam | PGS.TS. Lê Văn Trịnh |
| 414. | | 133-139 | HÀ THỊ MỪNG | Nghiên cứu một số đặc điểm lâm học của loài Cóc hành (<i>Azadirachta excelta</i> (Jack) Jacob, ở vùng khô hạn Nam Trung bộ | GS.TS. Nguyễn Xuân Quát |
| 415. | Số 21 (276) | 140-146 | LÊ XUÂN TRƯỜNG, DAN BINKLEY | Sinh trưởng của luồng (<i>Dendrocalamus membranaceus</i> Munro) trên các vị trí địa hình và các phương thức canh tác khác nhau | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 416. | Số 22 (277) | 135-141 | PHẠM MINH TOẠI | Đặc điểm tái sinh lỗ trống trong rừng tự nhiên lá rộng thường xanh tại huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh | PGS.TS. Đặng Thái Dương |
| 417. | | 142-148 | ĐẶNG THÁI DƯƠNG, ĐẶNG THÁI HOÀNG | Đặc điểm hình thái và khả năng thích nghi của keo lá liềm (<i>Acacia crassicarpa</i>) ở vùng cát ven biển miền Trung | TS. Trần Ngọc Hải |
| 418. | Số 23 (278) | 111-116 | NGUYỄN VĂN MINH, NGUYỄN KHẮC KHÔI, NGUYỄN THỊ HỒNG | Ảnh hưởng của quai đê tới sự bồi tụ trầm tích ở đất và khả năng | PGS.TS. Vũ Đoàn Thái |

| | | | | | |
|-------------------------------|------------------|---------|--|--|------------------------|
| | | | LIÊN | (Kandelia obovata Sheue, Liu & Yong) tại vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn, Ninh Bình và vùng ven biển huyện Nga Sơn, Thanh Hóa | |
| 419. | | 117-124 | LÊ ĐỨC THẮNG, NGÔ ĐÌNH QUẾ, LÊ TẮT KHƯƠNG, NGUYỄN ĐẮC BÌNH MINH, PHẠM VĂN NGÂN | Ảnh hưởng của phân bón, chất giữ ẩm đến sinh trưởng cây keo lá liềm (Acacia crassicarpa A. Cunn ex Benth) ở chu kỳ 2 trên đất cát ven biển tại Hà Tĩnh | PGS.TS. Đỗ Anh Tuấn |
| 420. | | 125-131 | TRẦN NGỌC HẢI, PHẠM THANH HÀ | Nghiên cứu hệ thực vật thân gỗ ở Khu bảo tồn Thiên nhiên Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Giang | PGS.TS. Trần Minh Hợi |
| 421. | | 132-136 | NGUYỄN CÔNG HOAN | Ước tính khả năng tích lũy các bon rừng trồng Thông mã vĩ (Pinus masoniana Lamb) tại huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn | PGS.TS. Trần Quang Bảo |
| 422. | Số 24 (279) | 97-104 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN, TRẦN VĂN CON, NGUYỄN TIẾN HÙNG | Xác định mô hình quá trình chết, tái sinh bổ sung, chuyên cấp cho rừng lá rộng thường xanh tại Vườn Quốc gia Ba Bể và đề xuất ứng dụng | GS.TS. Võ Đại Hải |
| 423. | | 111-119 | ĐỒNG THANH HẢI, ĐỖ QUANG HUY | Tính đa dạng thành phần loài và phân bố của bò sát, ếch nhái tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Ngọc Sơn, Ngổ Luông, tỉnh Hòa Bình | TS. Nguyễn Xuân Đăng |
| 424. | | 120-125 | LẠI HUY PHƯƠNG, LÊ ANH HÙNG | Đổi chiều lựa chọn mô hình xác định đại lượng xói mòn tiềm năng trong phân cấp phòng hộ vùng đồi núi lưu vực sông Thu Bồn | TS. Đỗ Văn Thanh |
| 425. | | 126-133 | NGUYỄN HỒNG HẢI, PHẠM VĂN ĐIỂN, LÊ TUẤN ANH, PHẠM THẾ ANH | Đặc điểm phân bố và quan hệ không gian của loài cây Nhò vàng (Streblus macrophyllus) ở Vườn Quốc gia Cúc Phương | GS.TS. Võ Đại Hải |
| VII. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC | | | | | |
| 426. | Số 1 (256) | 3-11 | NGUYỄN MẠNH SƠN, PHẠM BẢO DƯƠNG | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc dồn điền đổi thửa ở nông thôn huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình | TS. Nguyễn Thắng |
| 427. | Số 3+4 (258+259) | 5 - 13 | NGÔ CHÍ THÀNH | Sức mạnh thị trường trong thị trường nông sản: Tổng quan lý luận và liên hệ thực tiễn Việt Nam | TS. Dương Ngọc Thí |
| 428. | | 14-21 | LÊ THỊ HOA SEN | Hiệu quả sản xuất lúa theo cánh đồng mẫu lớn ở tỉnh Quảng Nam | TS. Dương Ngọc Thí |
| 429. | | 22-29 | PHẠM THỊ TRÂM | Phương pháp xác định trọng số bằng ma trận tam giác bậc 1 và bậc 2 trong đánh giá thích nghi sinh thái cảnh quan | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |

| | | | | | |
|------|---------------|---------|--|--|----------------------|
| 430. | | 30-35 | TRẦN THANH ĐỨC, A PHON | Đánh giá việc thực hiện các chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số: Nghiên cứu trường hợp tại xã Đăkrowa, thành phố Kon Tum | TS. Nguyễn Đình Bồng |
| 431. | | 67-74 | NGUYỄN QUANG HUY, NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYÊN, ĐỖ VĂN NHA | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới: Nghiên cứu trường hợp xã An Lâm huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương | TS. Bùi Huy Hiền |
| 432. | | 243-249 | NGUYỄN ÁNH HOÀNG | Phân vùng chức năng cảnh quan phục vụ mục đích tổ chức không gian sản xuất nông – lâm nghiệp và du lịch tỉnh Yên Bái | TS. Đặng Văn Hà |
| 433. | Số 5 (260) | 48 - 57 | HOÀNG THỊ NGA, LÃ TUẤN NGHĨA, NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ, NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG, LÊ VĂN TÚ, TRẦN THỊ ÁNH NGUYỆT, NGUYỄN PHÙNG HÀ, NGUYỄN THỊ HOA, TRƯƠNG THỊ HÒA | Kết quả điều tra tình hình sản xuất và thị trường tiêu thụ các sản phẩm từ cây sen tại một số tỉnh phía Bắc Việt Nam | TS. Dương Ngọc Thí |
| 434. | | 58-66 | LÊ NHƯ HẬU, VÕ XUÂN MAI, HOÀNG CÔNG TÍN, VÕ THÀNH TRUNG, TÓNG PHƯỚC HOÀNG SƠN | Đánh giá hiện trạng thảm rong mơ ở vùng biển Quảng Ngãi với sự hỗ trợ của kỹ thuật viễn thám | TS. Võ Sĩ Tuấn |
| 435. | Số 6 (261) | 3-8 | PHẠM THỊ NGỌC, ĐINH THỊ THU THỦY | Giải pháp giảm nghèo bền vững ở khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa | TS. Dương Ngọc Thí |
| 436. | | 9-15 | NGUYỄN VĂN TUẤN, NGUYỄN VĂN SÁNH | Hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, huyện Giá Rai tỉnh Bạc Liêu | TS. Nguyễn Thắng |
| 437. | | 16-22 | NGUYỄN QUỐC NGHI | Đánh giá hiệu quả kinh tế của nông hộ nghèo trồng khóm ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: Tiếp cận theo ước lượng hàm lợi nhuận biên ngẫu nhiên | TS. Nguyễn Thắng |
| 438. | Số 7 (262) | 3-8 | LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG, TRẦN THỊ QUỲNH ANH | Giải pháp khắc phục tình trạng nông dân bỏ hoang đất nông nghiệp: Nghiên cứu trường hợp ở Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Nam Định | TS. Dương Ngọc Thí |
| 439. | | 9-17 | NGUYỄN THANH PHƯƠNG, ALLAN MACKAY | Điều tra hiện trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cây vùng vùng duyên hải Nam Trung bộ | TS. Nguyễn Thắng |
| 440. | Số 8 (263) | 3-10 | ĐỖ VĂN NGỌC, TRẦN ĐÌNH THAO | Hiệu quả kinh tế sản xuất ngô hàng hóa gắn bảo vệ môi trường ở vùng núi Tây Bắc, Việt Nam | TS. Dương Ngọc Thí |

| | | | | | |
|------|-------------|---------|--|--|------------------------|
| 441. | | 11-16 | THÁI ANH HÒA, PHẠM MINH TRÍ | Ngành ngân hàng Hậu Giang: Tiếp sức thực hiện hiệu quả chương trình tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới | TS. Nguyễn Thắng |
| 442. | Số 9 (264) | 3-12 | TRẦN THỊ TỐ TÂM, NGUYỄN XUÂN ĐIỆP, NGUYỄN XUÂN HỮU, LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG | Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất rừng phòng hộ tỉnh Bắc Ninh | PGS.TS. Phùng Văn Khoa |
| 443. | Số 10 (265) | 3-10 | VÕ VĂN TUẤN, LÊ CẢNH DŨNG | Ảnh hưởng của nguồn lực đến đa dạng sinh kế của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long | GS.TS. Nguyễn Văn Song |
| 444. | | 11-17 | NGUYỄN THỊ TRÂM ANH, TRẦN THU VÂN | Các yếu tố ảnh hưởng đến mức cho vay đối với nông hộ tại các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang | GS.TS. Nguyễn Văn Song |
| 445. | Số 11 (266) | 4-12 | ĐỖ THỊ TÁM, ĐỖ ĐÌNH HIỆU | Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa - đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp | TS. Dương Ngọc Thí |
| 446. | Số 12 (267) | 3-9 | PHẠM VĂN HIỆP | Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển nền nông nghiệp Việt Nam | TS. Dương Ngọc Thí |
| 447. | | 46-55 | NGUYỄN XUÂN QUỲNH, VÕ THANH SƠN, NGUYỄN XUÂN HẢI | Nghiên cứu tác động của một số hiện tượng thiên tai tới sản xuất nông nghiệp và sinh kế của người dân phía nam huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ | TS. Bùi Huy Hiền |
| 448. | Số 13 (268) | 98-104 | TRẦN MINH NGUYỆT, QUYÊN ĐÌNH HÀ, VŨ THỊ MAI PHƯƠNG | Năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của công chức quản lý môi trường cấp huyện – nghiên cứu trường hợp ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | TS. Dương Ngọc Thí |
| 449. | | 105-114 | PHẠM VĂN THÀNH, LƯU VĂN HUY | Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong phát triển trang trại tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa | TS. Dương Ngọc Thí |
| 450. | Số 14 (269) | 11-17 | TRẦN XUÂN BIÊN, NGUYỄN XUÂN THÀNH, ĐỖ NGUYỄN HẢI | Nghiên cứu hiệu quả một số mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa phục vụ cho du lịch trên địa bàn thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 451. | Số 15 (270) | 89 - 97 | NGUYỄN BÁ HUÂN | Mức sẵn lòng chi trả bảo hiểm nông nghiệp cho chăn nuôi lợn của nông dân ở huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội | TS. Dương Ngọc Thí |
| 452. | Số 16 (271) | 3-10 | VŨ THỊ THƯƠNG, CAO VIỆT HÀ, VŨ NĂNG DŨNG | Định hướng phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang | TS. Bùi Huy Hiền |

| | | | | | |
|------|----------------|-------------|---|--|--------------------------|
| 453. | Số 17 (272) | 3-9 | PHẠM THỊ LAM | Đánh giá tác động của thu hồi đất nông nghiệp đến sinh kế bền vững của các hộ nông dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội | TS. Dương Ngọc Thí |
| 454. | | 34-42 | TRẦN NGỌC TÙNG, BÙI VĂN TRINH | Hiệu quả sản xuất tôm trên địa bàn nước mặn lợ: Trường hợp của các nông hộ nuôi ở vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng | TS. Dương Ngọc Thí |
| 455. | Số 18 (273) | 3-9 | NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT | Phụ nữ trong sản xuất và tham gia xã hội ở nông thôn: Thực trạng và khuyến nghị chính sách | TS. Dương Ngọc Thí |
| 456. | | 10-15 | NGUYỄN HOÀNG TRUNG, NGUYỄN PHÚ SON | Thực trạng lao động và việc làm nông thôn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn hiện nay | TS. Nguyễn Thắng |
| 457. | | 16-25 | TRỊNH ĐỨC TRÍ, VÕ THỊ THANH LỘC | Nghiên cứu chuỗi giá trị xoài vùng đồng bằng sông Cửu Long | TS. Nguyễn Thắng |
| 458. | | 26 - 32 | LÊ THỊ HOA SEN | Hiệu quả sản xuất nước mắm theo phương pháp truyền thống ở vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên – Huế | TS. Dương Ngọc Thí |
| 459. | | 33-41 | MAI HẠNH NGUYỄN, TRẦN VĂN THỤY, VÕ TỬ CAN, MAI VĂN TRỊNH | Dự báo diện tích đất nông nghiệp bị khô hạn do tác động của biến đổi khí hậu vùng duyên hải Nam Trung bộ | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 460. | | 42-48 | HÀ HẢI DƯƠNG, NGUYỄN VĂN VIẾT | Lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp xã | TS. Hoàng Tuấn Hiệp |
| 461. | | 3-10 | NGUYỄN THỊ KIM ANH, VŨ TÚ BANG | Các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ trồng lúa tỉnh Kiên Giang | GS.TS. Nguyễn Văn Song |
| 462. | Số 19 (274) | 11-15 | NGUYỄN QUỐC NGHI, MAI VĂN NAM | Tác động của nguồn lực sản xuất đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ nghèo trồng khóm ở tỉnh Tiền Giang | TS. Nguyễn Thắng |
| 463. | | 16-24 | XUÂN THỊ THU THẢO, HOÀNG XUÂN PHƯƠNG, HỒ THỊ LAM TRÀ | Hiệu quả sử dụng đất của nông hộ sau tích tụ đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định | TS. Bùi Huy Hiền |
| 464. | Số 20 (275) | 140- 148 | VÕ ĐÌNH LONG, NGUYỄN VĂN HIỆP | Nghiên cứu sinh kế của cộng đồng dân cư vùng đệm đến sự phát triển bền vững Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tà Đùng | PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng |
| 465. | Số 21 (276) | 3-9 | LƯU TIẾN DŨNG. ĐOÀN VIỆT ANH | Hành vi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp ứng | PGS.TS. Võ Thị Thanh Lộc |

| | | | | | |
|---|----------------|---------|---|---|--------------------------|
| | | | | dụng 1 phải, 5 giảm trong sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long | |
| 466. | | 56-64 | NGUYỄN XUÂN TRINH, TRẦN VĂN TAM | Đánh giá tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu đối với nuôi trồng thủy sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long | PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi |
| 467. | | 118-125 | ĐẶNG VĂN HÀ, NGUYỄN THỊ YẾN | Hiện trạng cây xanh thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp khắc phục cây đổ, gãy sau mưa bão hàng năm | GS.TS. Ngô Quang Đê |
| 468. | Số 23 (278) | 3-10 | NGUYỄN NGỌC THẮNG, LÊ VĂN PHONG, PHÙNG THỊ QUYÊN | Kết quả thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới tại huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa – Hiện trạng và giải pháp | TS. Dương Ngọc Thí |
| 469. | | 11-16 | NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH, NGUYỄN BÍCH NGỌC | Đánh giá hiệu quả sử dụng đất của các khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị | GS.TS. Nguyễn Văn Song |
| 470. | | 17-22 | HOÀNG THỊ BÍCH HẰNG | Đánh giá lợi thế so sánh của chăn nuôi lợn thịt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | GS.TS. Nguyễn Văn Song |
| 471. | | 81-86 | BÙI TRỌNG TÂM | Đặc điểm sinh học và phân loại của vi khuẩn ưa nhiệt sinh xenlulaza bền nhiệt từ suối nước nóng Mỹ Lâm, Tuyên Quang | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |
| CHUYÊN ĐỀ GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TẬP 1 – 6/2015 | | | | | |
| 472. | | 5-12 | TRẦN THỊ CÚC HOÀ, HỒ THỊ HUỖNH NHƯ, BÙI THỊ THANH TÂM, PHẠM THỊ MÙI | Kết quả chọn tạo giống lúa cực sớm, năng suất cao OM 10424 bằng phương pháp đột biến | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 473. | | 13-19 | NGUYỄN THỊ LANG, THÁI THỊ HẠNH, BÙI CHÍ BỬU | Nghiên cứu, chọn tạo giống lúa ngắn ngày OM 10417 | PGS.TS. Nguyễn Minh Công |
| 474. | | 20-26 | NGUYỄN THỊ LANG, BÙI CHÍ BỬU | Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thơm OM 10040 | PGS.TS. Nguyễn Minh Công |
| 475. | | 27-36 | NGUYỄN THIÊN LƯƠNG, HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG | Kết quả nghiên cứu tuyển chọn và khảo nghiệm giống lúa LH 12 | TS. Nguyễn Như Hải |
| 476. | | 37-43 | PHẠM VĂN CƯỜNG, NGUYỄN THANH TÙNG, NGUYỄN QUỐC TRUNG, NGUYỄN VĂN HOAN | Kết quả chọn tạo dòng Khang dân 18 cải tiến (DCG72) ngắn ngày và có hàm lượng amyloza thấp | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 477. | | 44-49 | VÕ THỊ MINH TUYẾN, NGUYỄN THỊ HUỆ, NGUYỄN THỊ HỒNG, PHAN QUỐC MỸ, NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT, LÊ HUY | Ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ tia gamma và chỉ thị phân tử trong cải tạo giống lúa kháng bạc lá HC 62 | PGS.TS. Nguyễn Minh Công |

| | | | | | |
|------|--|-------------|---|--|-----------------------------|
| | | | HÀM | | |
| 478. | | 50-58 | VŨ VĂN QUANG, NGUYỄN THỊ TRÂM, PHẠM THỊ NGỌC YẾN, VŨ THỊ BÍCH NGỌC | Kết quả tuyển chọn dòng bất dục đực tế bào chất - 11A/B phục vụ chọn tạo giống lúa lai ba dòng ở Việt Nam | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 479. | | 59-68 | TRỊNH THỊ SEN, TRẦN ĐĂNG HÒA | Tuyển chọn giống lúa chịu mặn thích ứng với điều kiện nhiễm mặn ở Quảng Nam | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 480. | | 69-76 | TRẦN LONG, LƯU MINH CÚC, LƯU THỊ NGỌC HUYỀN, LÊ HUY HÀM | Ứng dụng chi thị phân tử và lai hồi giao (MABC) trong chọn tạo giống lúa chịu mặn | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 481. | | 77-82 | NGUYỄN XUÂN KỸ, TRẦN THỊ LÊ, HOÀNG KIM, HOÀNG VĂN HẢI | Kết quả nghiên cứu chọn tạo và khảo nghiệm giống lúa SV 181 tại một số tỉnh miền Trung | TS. Nguyễn Như Hải |
| 482. | | 83-91 | TRẦN THỊ LÊ, VÕ THỊ THANH NHÀN, NGUYỄN LAN PHƯƠNG | Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất và phẩm chất một số giống lúa lai năm 2013 - 2014 tại tỉnh Quảng Ngãi | TS. Nguyễn Như Hải |
| 483. | | 92- 100 | NGUYỄN THỊ HOÀNG VI, TRẦN THỊ LÊ | Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất các giống lúa thuần nhập nội tại tỉnh Bình Định năm 2014 - 2015 | PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng |
| 484. | | 101- 109 | TRẦN THỊ LÊ, NGUYỄN VĂN HÒA | Nghiên cứu tuyển chọn một số giống lúa thuần mới, ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng khá phục vụ sản xuất tại Bình Định | PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng |
| 485. | | 110- 117 | PHẠM THỊ LÝ THU, LÊ THỊ LAN, PHẠM THỊ HƯƠNG, TRẦN THỊ THANH HUYỀN, NGUYỄN VĂN ĐÔNG, LÊ HUY HÀM | Đánh giá một số đặc tính nông sinh học của các dòng ngô chuyển gen kháng sâu | PGS.TS. Nguyễn Văn Cương |
| 486. | | 118- 126 | TRƯƠNG THỊ HỒNG HẢI, TRẦN VIẾT THẮNG, NGUYỄN THỊ THU THỦY, NGUYỄN DUY PHONG | Nghiên cứu tuyển chọn giống và xác định mật độ trồng thích hợp cho cây rau chùm ngây (<i>Moringa oleifera</i> M.) nhập nội tại Thừa Thiên - Huế | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 487. | | 127- 135 | TRẦN HOÀI HƯƠNG, NGUYỄN THỊ KIM LÝ, NGUYỄN XUÂN LINH | Kết quả nghiên cứu tuyển chọn một số giống hoa Dạ yến thảo (<i>Petunia</i> sp.) nhập nội phục vụ cho việc trang trí cảnh quan tại Hà Nội | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 488. | | 136- 147 | NGÔ HỒNG BÌNH, HÀ QUANG THƯỜNG | Kết quả nghiên cứu, tuyển chọn và khảo nghiệm giống vải | TS. Cao Anh Long |

| | | | | | |
|------|--|---------|--|---|-----------------------------|
| | | | | PH40 | |
| 489. | | 148-156 | NGUYỄN QUỐC HÙNG, ĐÀO QUANG NGHỊ | Kết quả sản xuất thử giống nhân chín muộn và xoài ăn xanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai | GS.TS. Vũ Mạnh Hải |
| 490. | | 157-164 | LÊ TẤT KHƯƠNG, PHẠM VĂN QUÂN, NGUYỄN TIỀN DUY | Kết quả tuyển chọn cây bơ đầu dòng tại Sơn La | GS.TS. Vũ Mạnh Hải |
| 491. | | 165-170 | LÃ VĂN NINH, PHẠM HỮU HÙNG, HÀ NAM KHÁNH | Đánh giá mức độ nhiễm một số sâu hại chính trên các giống lạc được tuyển chọn đưa vào sản xuất tại vùng đất đồi huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa | PGS.TS. Nguyễn Văn Việt |
| 492. | | 171-180 | PHẠM VĂN CHUÔNG, PHẠM VĂN TÙNG, CAO ANH ĐƯƠNG, TRẦN BÁ KHOA | Kết quả nghiên cứu tuyển chọn giống mía KUOO-1-58 tại Kon Tum và Bình Định | PGS.TS. Đoàn Thị Thanh Nhân |
| 493. | | 181-186 | PHẠM VĂN CHUÔNG, NGUYỄN ĐỨC QUANG, NGUYỄN THỊ BẠCH MAI, PHẠM VĂN TÙNG, LÊ THỊ THƯỜNG, BÙI VĂN HÙNG | Kết quả tuyển chọn giống mía VN 09 - 108 tại vùng Nam Trung bộ | PGS.TS. Đoàn Thị Thanh Nhân |
| 494. | | 187-193 | ĐOÀN TRỌNG ĐỨC, TRẦN VĂN MINH | Nhân giống cây Đắng sâm (<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f.et Thomas) từ hạt, củ, mầm củ và hom nhằm bảo tồn và phát triển vùng dược liệu | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 495. | | 194-201 | HOÀNG THỊ ANH, TRẦN THÙY MAI, NGUYỄN THỊ SON, NGUYỄN THỊ LÝ ANH, NGUYỄN QUANG THẠCH | Nhân giống in vitro loài lan hài bản địa <i>Phaphiopedilum purpuratum</i> | PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Lý |
| 496. | | 202-209 | TRƯƠNG THỊ HỒNG HẢI, TRẦN CÔNG QUANG | Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống cây sa nhân tím (<i>Amomum longiligulare</i> T.L. Wu) bằng phương pháp giâm hom ở Bình Định | PGS.TS. Nguyễn Văn Đông |
| 497. | | 210-213 | LÊ MINH CƯỜNG, NGÔ ĐỨC NHẠC | Nguồn gốc cây tái sinh tự nhiên và hiện tượng đổi trục thân của cây sồi phẳng (<i>Lithocarpus fissus</i> (Champ.ex Benth.) A. Camus) ở giai đoạn cây con | GS.TS. Nguyễn Xuân Quát |
| 498. | | 214-219 | LÊ VĂN PHÚC | Bước đầu thử nghiệm nhân giống Thiết sam giả lá ngắn (<i>Pseudotsuga brevifolia</i> W.C. Cheng & L.K.FU, 1975) bằng | GS.TS. Nguyễn Xuân Quát |

| | | | | | |
|--|--|-----------|--|--|-------------------------|
| | | | | phương pháp giâm hom | |
| 499. | | 220-226 | KHUẤT THỊ HẢI NINH, LÊ ĐÌNH KHẢ, VŨ THỊ HUỆ, NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG | Nghiên cứu nhân giống một số dòng vô tính tràm Năm Gân (<i>Melaleuca quinquenervia</i>) bằng nuôi cấy mô | TS. Nguyễn Thị Xuyên |
| 500. | | 227-234 | LÊ SỸ HỒNG, LÊ SỸ TRUNG | Nghiên cứu nhân giống cây Phay bằng phương pháp giâm hom <i>Duebanga grandisflora</i> Roxb. ax DC | PGS.TS. Đặng Thái Dương |
| 501. | | 235-244 | NGHIÊM QUỲNH CHI, HÀ HUY THỊNH, C. E. HARWOOD, A. R. GRIFFIN, J. L. HARBARD, NGUYỄN THỊ XUÂN | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản và khả năng lai giống giữa keo tai tượng tứ bội với keo tai tượng và keo lá tràm nhị bội: Phục vụ công tác chọn tạo giống keo tam bội | TS. Hà Văn Huân |
| 502. | | 245 - 256 | ĐẶNG THÁI DƯƠNG | Nghiên cứu ảnh hưởng của một số nhân tố đến khả năng tạo rễ, sinh khối của cây hom keo lá liềm (<i>Acacia crassicarpa</i>) | TS. Nguyễn Thị Xuyên |
| 503. | | 257-266 | TRẦN NAM THẮNG, ĐẶNG THÁI DƯƠNG | Đánh giá khả năng chịu nóng, chịu hạn của các dòng keo lá liềm (<i>Acacia crassicarpa</i>) trên vùng cát ven biển miền Trung | TS. Hà Văn Huân |
| CHUYÊN ĐỀ GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TẬP 2 – 12/2015 | | | | | |
| 504. | | 5-12 | KHUẤT HỮU TRUNG, NGUYỄN THÚY ĐIỆP, TRẦN ĐĂNG KHÁNH | Tổng quan về tình hình nghiên cứu chọn tạo giống lúa kháng bệnh bạc lá | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 505. | | 13-20 | TRẦN MẠNH BÁO, TRẦN THỊ HỢP, TRẦN THỊ TIỆC, NGUYỄN THỊ NHUNG, TRẦN XUÂN ĐỊNH | Kết quả chọn tạo, khảo nghiệm và sản xuất thử giống lúa TBR225 | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 506. | | 21-32 | NGUYỄN THỊ TRÂM, PHẠM THỊ NGỌC YẾN, NGUYỄN VĂN MƯỜI, TRẦN VĂN QUANG, VŨ VĂN QUANG, TRẦN THỊ HUYỀN, NGUYỄN TRÍ HOÀN | Kết quả chọn tạo giống lúa lai hai dòng mới TH3-7 năng suất cao, kháng bệnh bạc lá | TS. Nguyễn Như Hải |
| 507. | | 33-38 | LƯU VĂN QUỲNH, NGUYỄN THỊ HUYỀN, TRẦN VŨ THỊ BÍCH KIỀU, TẠ THỊ HUY PHÚ, TRẦN THỊ MAI | Kết quả chọn tạo giống lúa ngắn ngày ANS1 cho vùng sinh thái Nam Trung bộ | TS. Nguyễn Như Hải |
| 508. | | 39-45 | PHAN QUỐC MỸ, NGUYỄN THỊ HUỆ, VŨ THỊ MINH TUYẾN | Kết quả chọn tạo và khảo nghiệm giống lúa DT66 | TS. Nguyễn Như Hải |

| | | | | | |
|------|--|-------------|---|---|--------------------------------|
| 509. | | 46-51 | LÊ QUỐC THANH, NGUYỄN VĂN BẰNG | Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa <i>Japonica</i> phù hợp tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 510. | | 52-59 | ĐẶNG VĂN MẠNH, TRẦN THỊ LỆ, HOÀNG LONG, HOÀNG KIM | Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa chịu mặn thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu tại Phú Yên | TS. Nguyễn Như Hải |
| 511. | | 60-66 | NGUYỄN VĂN CƯỜNG, NGUYỄN VĂN GIANG, TRẦN THỊ KIM HƯƠNG, HỒ MINH VIỆT, PHẠM HỒNG THÁI | Phục tráng giống lúa nếp Tan Co Giàng của huyện Tân Yên, tỉnh Lai Châu bằng phương pháp công nghệ sinh học | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 512. | | 67-73 | TRẦN TRUNG KIẾN, ĐẶNG THỊ THẢO, KIỀU XUÂN ĐÀM | Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển của một số giống ngô lai mới vụ thu đông 2014 và xuân 2015 tại Hà Giang | PGS.TS. Nguyễn Văn Cương |
| 513. | | 74-81 | KIỀU XUÂN ĐÀM, TRẦN TRUNG KIẾN, BÙI VĂN BA | Nghiên cứu khả năng kết hợp về năng suất của một số dòng ngô mới phục vụ công tác chọn tạo giống ngô lai | GS.TS. Ngô Hữu Tĩnh |
| 514. | | 82-88 | NGUYỄN TUẤN ĐIẾP, NGUYỄN VIỆT DŨNG | Kết quả điều tra và đánh giá nguồn gen cây khoai lang hiện có ở Bắc Giang | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 515. | | 89-96 | NGÔ DOẢN ĐÀM, TRƯƠNG CÔNG TUYỆN, NGUYỄN THỊ THÚY HOÀI, NGUYỄN PHAN ANH, TRẦN QUỐC ANH, NGUYỄN ĐẠT THOẠI, ĐỖ THỊ HỒNG LIỄU, NGUYỄN TẤN HINH, PHẠM XUÂN LIÊM | Kết quả chọn tạo và khảo nghiệm giống khoai lang KLC3 | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 516. | | 97- 104 | LÊ VĂN TÚ, NGUYỄN THỊ LAN HOA, HÀ MINH LOAN, TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG, BÙI VĂN MẠNH | Kết quả phục tráng giống khoai sọ muộn Yên Thế tại huyện Yên Thế – tỉnh Bắc Giang | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 517. | | 105- 112 | HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG, LÊ THANH UYÊN, LÃ TUẤN NGHĨA, TRỊNH THỊ THANH HƯƠNG | Kết quả phục tráng củ từ Bờn Nghệ An | PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ |
| 518. | | 113- 121 | HỒ HUY CƯỜNG, HOÀNG MINH TÂM, MẠC KHÁNH TRANG, ĐỖ THỊ XUÂN THÙY, NGUYỄN THỊ HẰNG | Kết quả chọn tạo giống đậu tương ĐTDH.10 cho vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên | PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng |

| | | | | | |
|------|--|-------------|---|--|-------------------------------|
| | | | NI, CÁI ĐÌNH HOÀI, ĐƯỜNG MINH MẠNH, ĐẶNG THỊ THU TRANG, PHẠM VŨ BẢO | | |
| 519. | | 122- 131 | HỒ HUY CƯỜNG, HOÀNG MINH TÂM, MẠC KHÁNH TRANG, TRƯƠNG THỊ THUẬN, NGUYỄN THỊ THANH THỦY, BÙI NGỌC THAO, CÁI ĐÌNH HOÀI, NGUYỄN XUÂN THU | Chọn tạo giống lạc LDH.10 cho vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên | GS.VS.TSKH. Trần Đình Long |
| 520. | | 132- 138 | PHAN THỊ THU HIỀN, PHẠM VĂN CHUÔNG, NGUYỄN ĐÌNH VINH | Nghiên cứu xác định giống lúa đậu xanh thích hợp cho vùng đất cát ven biển tại huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An | GS.VS.TSKH. Trần Đình Long |
| 521. | | 139- 146 | LÊ THỊ THỦY, ĐOÀN XUÂN CẢNH | Nghiên cứu nguồn vật liệu phục vụ chọn tạo giống cà chua trồng trong điều kiện nhà lưới, kháng bệnh vi rút xoắn vàng lá | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 522. | | 147- 155 | TRẦN THỊ MINH HẰNG, PHẠM THỊ MINH PHƯỢNG | Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất của các mẫu giống hành củ Việt Nam (<i>Allium cepa</i> L. Aggregatum group) trong vụ đồng xuân và xuân hè tại Gia Lâm, Hà Nội | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 523. | | 156- 164 | PHẠM LÊ HOÀNG, LÊ THỊ KHÁNH, MICHAEL BOEHME | Nghiên cứu thành phần và tình hình sử dụng giống cây trồng họ cà trong sản xuất tại tỉnh Bình Định | GS.TS. Trần Khắc Thi |
| 524. | | 165- 171 | TRẦN HOÀI HƯƠNG, NGUYỄN THỊ KIM LÝ, NGUYỄN XUÂN LINH | Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp gieo hạt và giâm cành cho hoa Tô Liên Hồng (<i>Torenia</i>), Dạ Yến Thảo Hồng (<i>Petunia</i>) tại Hà Nội | PGS.TS. Đặng Văn Đông |
| 525. | | 172- 180 | TẠ VĂN THẢO, NGUYỄN THỊ YẾN, ĐẶNG VĂN HÀ | Điều tra thu thập, nghiên cứu biện pháp kỹ thuật nhân giống và nuôi trồng địa lan kiếm (<i>Cymbidium sp.</i>) có giá trị kinh tế cao phục vụ công tác bảo tồn và phát triển | GS.TS. Nguyễn Xuân Linh |
| 526. | | 181- 186 | NGUYỄN QUỐC HÙNG, NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG | Kết quả tuyển chọn và khảo nghiệm giống thanh long ruột đỏ TL05 ở các tỉnh phía Bắc | TS. Đoàn Văn Lư |
| 527. | | 187- 195 | ĐỖ ĐÌNH CA, NGUYỄN QUỐC | Kết quả khảo nghiệm một số giống quýt không hạt nhập nội | TS. Đoàn Văn Lư |

| | | | | | |
|------|--|---------|--|--|-------------------------|
| | | | HÙNG, NGUYỄN DUY HÙNG | ở một số tỉnh phía Bắc | |
| 528. | | 196-200 | LÊ KHÁ TUÔNG, NGUYỄN HỮU HẢI | Kết quả đánh giá và bình tuyển cây mít na đầu dòng tại Hà Nội | GS.TS. Vũ Mạnh Hải |
| 529. | | 201-205 | LÊ KHÁ TUÔNG, TRẦN VĂN LUYỆN | Kết quả tuyển chọn cây đầu dòng bưởi đường La Tinh tại Hà Nội | TS. Ngô Hồng Bình |
| 530. | | 206-211 | NGUYỄN THỊ TUYẾT, LÊ TUẤN PHONG, VŨ VĂN TÙNG, NGUYỄN THỊ XUYẾN, NGUYỄN THỊ MỸ CHÂU, NGUYỄN THỊ HOÀI THU, NGUYỄN VĂN TOÀN, NGUYỄN VĂN HẢI, LÊ TUẤN NGHĨA | Kết quả nghiên cứu bảo tồn nguồn gen hồng Yên Thôn (<i>Diospyros kaki</i> Linn) tại huyện Thạch Thất, Hà Nội | GS.TS. Vũ Mạnh Hải |
| 531. | | 212-220 | NGUYỄN DUY HÙNG, NGUYỄN QUỐC HÙNG, CAO VĂN CHÍ | Kết quả khảo nghiệm một số giống cam không hạt nhập nội ở một số tỉnh phía Bắc | TS. Cao Anh Long |
| 532. | | 221-232 | NGUYỄN THIÊN LƯƠNG, TRẦN VĂN MẠNH | Kết quả tuyển chọn, khảo nghiệm giống mía QN-01 tại duyên hải Nam Trung bộ | PGS.TS. Hà Thị Thúy |
| 533. | | 233-238 | MAI HẢI CHÂU, BUI VĂN THẮNG, HUỠNH THANH HÙNG | Nhân nhanh chồi và tạo cây chum ngậy (<i>Moringa oleifera</i> Lam) hoàn chỉnh bằng kỹ thuật nuôi cấy <i>in vitro</i> | PGS.TS. Đặng Thái Dương |
| 534. | | 239-248 | HOÀNG VŨ THỎ | Nghiên cứu chọn lọc cây trội thông nhựa có lượng nhựa cao tại Nghệ An | TS. Phí Hồng Hải |
| 535. | | 249-253 | NGUYỄN VIỆT CƯỜNG, NGUYỄN MINH NGỌC, ĐỖ THỊ MINH HIỀN | Giống bạch đàn lai cho trồng rừng gỗ lớn và cây nguyên liệu | PGS.TS. Phạm Đức Tuấn |
| 536. | | 254-260 | NGUYỄN VĂN PHONG, PHẠM THANH HÀ, VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO, TRẦN THỊ NGỌC ANH, NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ, PHAN THỊ THU HIỀN | Nhân giống <i>in vitro</i> cây giảo cổ lam bảy lá (<i>Gynostemma pertaphyllum</i> Gaynep) | TS. Nguyễn Thị Xuyên |
| 537. | | 261-267 | ĐẶNG THÀNH NHÂN, ĐẶNG THÁI DƯƠNG | Nghiên cứu chọn loài keo trồng trên đất rừng khộp Tây Nguyên dựa vào sinh trưởng, sinh khối, khả năng cố định CO ₂ và cải tạo đất | PGS.TS. Hà Văn Huân |
| 538. | | 268-272 | CAO ĐÌNH SƠN | Kết quả nghiên cứu, chọn lọc một số loài tre trúc bản địa lấy măng tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La | TS. Lê Xuân Trường |

CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG NÔNG NGHIỆP - 6/1015

| | | | | | |
|------|--|-------|---|--|-------------------------------|
| 539. | | 3-10 | LƯU THỊ NGỌC HUYỀN, PHẠM MINH HIỀN, NGUYỄN QUANG ĐÀM, NGUYỄN THỊ TRANG, LƯU MINH CÚC, VŨ ĐỨC QUANG | Chọn tạo giống lúa thuần kháng rầy nâu cho các tỉnh phía Bắc | PGS.TS. Lã Tuấn Nghĩa |
| 540. | | 11-18 | DƯƠNG XUÂN TÚ, TỔNG THỊ HUYỀN, TĂNG THỊ DIỆP, NGUYỄN VĂN KHÔI, ĐOÀN VĂN THẢO, LÊ THỊ THANH, NGUYỄN THANH VÂN | Kết quả chọn tạo giống lúa thơm HDT8 bằng sử dụng chỉ thị phân tử ADN | GS.TSKH. Trần Duy Quý |
| 541. | | 19-26 | TRẦN THỊ CÚC HÒA, PHẠM TRUNG NGHĨA, TRẦN NGỌC THẠCH, HỒ THỊ HUỖNH NHƯ, LÃ CAO THẮNG, TRẦN THANH HẢI, NGUYỄN TRẦN HẢI BẰNG, VÕ THỊ KIỀU TRANG | Tạo dòng đậu tương biến đổi gien kháng sâu và chịu hạn | PGS.TS. Đặng Trọng Lương |
| 542. | | 27-35 | NGUYỄN THỊ LÝ ANH, ĐÀO THỊ THANH BẰNG, LÊ HẢI HÀ, HỒ THỊ THU THANH, NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG, NGUYỄN THỊ HÂN, NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ĐOÀI, NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG, LÊ THỊ LIỄU | Ứng dụng công nghệ đột biến in vitro trong chọn tạo giống hoa cẩm chướng, hoa cúc | GS.TS. Nguyễn Xuân Linh |
| 543. | | 36-44 | NGUYỄN THỊ CHÚC QUỲNH, TRẦN VĂN HUY, NGUYỄN THU HÀ, LÊ VĂN TRỊNH, VŨ THỊ HIỀN, PHẠM THỊ MINH THẮNG, PHÙNG QUANG TÙNG | Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm sinh học SH-BV 1 phòng trừ tuyến trùng và nấm bệnh hại rễ tiêu, cà phê ở Tây Nguyên | GS.TS. Nguyễn Văn Tuất |
| 544. | | 45-52 | NGUYỄN VĂN VIẾT, NGUYỄN VĂN THẮNG, NGUYỄN THỊ VÂN, LÊ THỊ BÍCH THỦY, NGUYỄN MẠNH | Kết quả nghiên cứu ứng dụng chỉ thị phân tử SSR chọn tạo giống lạc kháng bệnh héo xanh vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> Smith | GS.VS.TSKH. Trần Đình Long |

| | | | | | |
|------|--|---------|---|--|----------------------|
| | | | HÙNG, NGUYỄN XUÂN THU, NGÔ THỊ THÙY LINH, NGÔ VĂN NGÔN, TẠ HỒNG LĨNH | | |
| 545. | | 53–61 | HÀ VĂN HUÂN, BÙI VĂN THẮNG, HỒ VĂN GIẢNG, CHU HOÀNG HÀ | Nghiên cứu chuyển gien sinh trưởng nhanh (GA20) và tăng chất lượng gỗ (4CL 1) vào cây xoan ta (<i>Melia azedarach</i> L.) | TS. Nguyễn Thị Xuyên |
| 546. | | 62–69 | TRIỆU THỊ THU HÀ, CÁN THỊ LAN | Nghiên cứu nhân giống keo lai, keo lá trà, bạch đàn urô, bạch đàn camal và bạch đàn lai UP bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào | TS. Hà Văn Huân |
| 547. | | 70–76 | PHẠM VĂN TOÀN, ĐÀO VĂN THÔNG | Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất và ứng dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý phế thải chăn nuôi quy mô công nghiệp | TS. Lê Như Kiều |
| 548. | | 77–82 | TRẦN QUỐC VIỆT, DƯƠNG VĂN HỢP, BÙI THỊ THU HUYỀN, VŨ THÀNH LÂM, LÊ VĂN HUYỀN, NGUYỄN THỊ HỒNG, TRẦN VIỆT PHƯƠNG | Sản xuất và sử dụng probiotic dùng trong chăn nuôi | GS.TS. Vũ Duy Giảng |
| 549. | | 83–90 | BÙI THỊ LIÊN HÀ, LÊ THỊ HOÀI OANH, NGUYỄN ĐỨC MINH, TRẦN NGUYỄN ÁI HẰNG, NGUYỄN THỊ THU THỦY, PHAN VĂN TRÁNG, ĐỖ THỊ PHƯƠNG, NGUYỄN VĂN HẢO | Tạo tôm càng xanh toàn đực <i>Macrobrachium rosenbergii</i> nhờ bất hoạt gien insulin – like tuyến đực qua công nghệ can thiệp ARN | TS. Phạm Anh Tuấn |
| 550. | | 91–99 | TRẦN THẾ MƯỜU, NGUYỄN HỮU NINH | Nghiên cứu tạo vật liệu ban đầu phục vụ chọn giống nâng cao sinh trưởng tôm chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) | TS. Bùi Quang Tề |
| 551. | | 100-109 | NGUYỄN VĂN HẢO, ĐẶNG TỔ VÂN CẨM, ĐINH HÙNG, TRẦN TRUNG PHI, LA XUÂN THẢO, PHAN MINH QUÝ, NGUYỄN HỮU HÙNG, TRẦN HÙNG ANH, NGUYỄN THÀNH LUÂN, | Tăng trưởng của các dòng tôm sú <i>Penaeus monodon</i> ở điều kiện nuôi trong nhà làm vật liệu ban đầu cho chương trình chọn giống | TS. Bùi Quang Tề |

| | | | | | |
|------|--|---------|---|---|---------------------------|
| | | | NGUYỄN VĂN TÁ | | |
| 552. | | 110-115 | TRỊNH QUỐC TRỌNG, NGUYỄN VĂN SÁNG, TRẦN HỮU PHÚC, NGUYỄN CÔNG MINH, PHẠM ĐĂNG KHOA, LAO THANH TÙNG, LÊ TRUNG ĐÌNH | Các thông số di truyền của tính trạng tăng trưởng trên cá rô phi đỏ (<i>Oreochromis spp.</i>) chọn giống tại Việt Nam | TS. Nguyễn Hữu Ninh |
| 553. | | 116-121 | NGUYỄN HỮU VŨ, HỒ THU THỦY | Hiệu quả bảo hộ của vắc xin vô hoạt keo phèn cho ăn phòng bệnh do vi khuẩn <i>Streptococcus spp</i> cho cá rô phi nuôi tại Việt Nam | PGS.TS. Nguyễn Việt Không |
| 554. | | 122-131 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN, NGUYỄN VĂN HUẤN, VŨ VĂN IN, NGUYỄN QUANG HUY, TRẦN THÚY HÀ, TRẦN ANH TUẤN, NGUYỄN VĂN KHỎE, BÙI VĂN ĐIỀN | Kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ biofloc nuôi thâm canh tôm chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) | PGS.TS. Nguyễn Xuân Lý |
| 555. | | 132-138 | KHUẤT HỮU THANH, LÊ ANH XUÂN | Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học BIO – TS3 trong nuôi tôm sú thâm canh | PGS.TS. Phạm Văn Toàn |
| 556. | | 139-147 | VÕ VĂN NHA | Sự lây nhiễm và giải pháp kiểm soát vi khuẩn <i>Vibrio</i> ở các cơ sở sản xuất giống tôm nước lợ khu vực miền Trung Việt Nam | TS. Hà Ký |
| 557. | | 148-156 | NGUYỄN VĂN SÁNG, NGUYỄN VĂN HẢO, NGUYỄN QUYẾT TÂM, NGUYỄN THỊ ĐANG, NGUYỄN THẾ VƯƠNG, BÙI THỊ LIÊN HÀ | Chọn giống cá tra theo tính trạng khối lượng thu hoạch | TS. Nguyễn Hữu Ninh |